ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN

**TRƯỜNG MẦM NON BÉ NGOAN**

**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ**

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH – NĂM 2021

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN

**TRƯỜNG MẦM NON BÉ NGOAN**

**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ**

**DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Họ và tên** | **Chức danh,** **chức vụ** | **Nhiệm vụ** | **Chữ ký** |
| 1 |  Nguyễn Thị Mỹ Lang | Hiệu trưởng | Chủ tịch hội đồng | (đã ký) |
| 2 | Lê Thị Loan | Phó Hiệu trưởng | Phó Chủ tịch hội đồng | (đã ký) |
| 3 | Nguyễn Huỳnh Tú My | Phó Hiệu trưởng | Ủy viên hội đồng | (đã ký) |
| 4 | Nguyễn Thị Thuỳ Phương | Tổ trưởng chuyên môn – tổ văn phòng | Ủy viên hội đồng | (đã ký) |
| 5 | Nguyễn Thị Băng Tâm | Tổ trưởng chuyên môn – tổ lá | Ủy viên hội đồng | (đã ký) |
| 6 | Cấn Kim Hồng Hậu | Tổ trưởng chuyên môn – tổ chồi | Ủy viên hội đồng | (đã ký) |
| 7 | Đặng Ngọc Quý | Tổ trưởng chuyên môn – tổ nhà trẻ | Thư ký hội đồng | (đã ký) |
| 8 | Đặng Thị Hoa | Tổ trưởng chuyên môn – tổ mầm | Ủy viên hội đồng | (đã ký) |
| 9 | Lê Thị Kiều Trang | Bí thư chi đoàn | Ủy viên hội đồng | (đã ký) |
| 10 | Nguyễn Lưu Vân | Trưởng ban thanh tra nhân dân | Ủy viên hội đồng | (đã ký) |
| 11 | Trần Thị Bích Thu | Chủ tịch công đoàn | Ủy viên hội đồng | (đã ký) |
| 12 | Nguyễn Thị Ngọc Hân | Kế toán | Ủy viên hội đồng | (đã ký) |

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH – NĂM 2021

**MỤC LỤC**

|  |  |
| --- | --- |
| NỘI DUNG | Trang |
| Mục lục | 2 |
| Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá | 4 |
| Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU | 5 |
| Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ | 12 |
| A. ĐẶT VẤN ĐỀ | 12 |
| B. TỰ ĐÁNH GIÁ | 14 |
| **Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường** | 14 |
| Mở đầu | 14 |
| Tiêu chí 1.1. Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường | 14 |
| Tiêu chí 1.2. Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác | 16 |
| Tiêu chí 1.3. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường | 18 |
| Tiêu chí 1.4. Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng | 21 |
| Tiêu chí 1.5. Tổ chức nhóm trẻ và lớp mẫu giáo | 23 |
| Tiêu chí 1.6. Quản lý hành chính, tài chính và tài sản | 25 |
| Tiêu chí 1.7. Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên | 27 |
| Tiêu chí 1.8. Quản lý các hoạt động giáo dục | 29 |
| Tiêu chí 1.9. Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở | 30 |
| Tiêu chí 1.10. Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học | 33 |
| *Kết luận về Tiêu chuẩn 1* | 35 |
| Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên | 36 |
| Mở đầu | 36 |
| Tiêu chí 2.1. Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng | 36 |
| Tiêu chí 2.2. Đối với giáo viên | 38 |
| Tiêu chí 2.3. Đối với nhân viên | 41 |
| *Kết luận về Tiêu chuẩn 2* | 43 |
| **Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học** | 43 |
| Mở đầu | 43 |
| Tiêu chí 3.1. Diện tích, khuôn viên và sân vườn | 43 |
| Tiêu chí 3.2. Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo và khối phòng phục vụ học tập | 46 |
| Tiêu chí 3.3. Khối phòng hành chính - quản trị | 48 |
| Tiêu chí 3.4. Khối phòng tổ chức ăn | 49 |
| Tiêu chí 3.5. Thiết bị, đồ dùng, đồ chơi | 51 |
| Tiêu chí 3.6. Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước | 53 |
| *Kết luận về Tiêu chuẩn 3* | 55 |
| Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội | 55 |
| Mở đầu | 55 |
| Tiêu chí 4.1. Ban đại diện cha mẹ trẻ | 55 |
| Tiêu chí 4.2. Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường | 57 |
| *Kết luận về Tiêu chuẩn 4* | 60 |
| **Tiêu chuẩn 5: Hoạt động và kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ** | 60 |
| Mở đầu | 61 |
| Tiêu chí 5.1. Thực hiện Chương trình giáo dục mầm non  | 61 |
| Tiêu chí 5.2. Tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ | 64 |
| Tiêu chí 5.3. Kết quả nuôi dưỡng và chăm sóc sức khoẻ | 65 |
| Tiêu chí 5.4. Kết quả giáo dục | 68 |
| *Kết luận về Tiêu chuẩn 5* | 70 |
| Phần III. KẾT LUẬN CHUNG | 70 |
| Phần IV. PHỤ LỤC |  |
| Danh mục mã minh chứng |  |

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ**

**1. Kết quả tự đánh giá**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tiêu chuẩn,****tiêu chí** | **Kết quả** |
| **Không đạt** | **Đạt** |
| **Mức 1** | **Mức 2** | **Mức 3** |
| **Tiêu chuẩn 1** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 1.1 |  | X | X | - |
| Tiêu chí 1.2 |  | X | X | - |
| Tiêu chí 1.3 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 1.4 |  | X | X | - |
| Tiêu chí 1.5 |  | X | X | - |
| Tiêu chí 1.6 |  | X | X | - |
| Tiêu chí 1.7 |  | X | X | - |
| Tiêu chí 1.8 |  | X | X | - |
| Tiêu chí 1.9 |  | X | X | - |
| Tiêu chí 1.10 |  | X | X | - |
| **Tiêu chuẩn 2** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 2.1 |  | X | X | - |
| Tiêu chí 2.2 |  | X | X | - |
| Tiêu chí 2.3 |  | X | X | - |
| **Tiêu chuẩn 3** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 3.1 |  | X | X | - |
| Tiêu chí 3.2 |  | X | X | - |
| Tiêu chí 3.3 |  | X | X | - |
| Tiêu chí 3.4 |  | X | X | - |
| Tiêu chí 3.5 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 3.6 |  | X | X | - |
| **Tiêu chuẩn 4** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 4.1 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 4.2 |  | X | X | - |
| **Tiêu chuẩn 5** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 5.1 |  | X | X | - |
| Tiêu chí 5.2 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 5.3 |  | X | X | - |
| Tiêu chí 5.4 |  | X | X | X |

 **Kết quả:** Đạt Mức 2;

**2. Kết luận: trường Đạt Mức 2.**

**Phần I**

 **CƠ SỞ DỮ LIỆU**

Tên trường: trường mầm non Bé Ngoan

Tên trước đây: trường mẫu giáo Bé Ngoan 2

Cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương | Hồ Chí Minh |   | Họ và tên hiệu trưởng | Nguyễn Thị Mỹ Lang |
| Huyện/quận/thị xã/thành phố | Hóc Môn |   | Điện thoại  | 028.38910345 |
| Xã/phường/thị trấn | Thị trấn |   | Fax | Không |
| Đạt chuẩn quốc gia | Không |   | Email | c0bengoan.tphcm@moet.edu.vn |
| Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập) | 2001 |   | Số điểm trường  | 01 điểm chính |
| Công lập | X |   | Thuộc vùng đặc biệt khó khăn | Không  |
| Tư thục | Không |   | Trường liên kết với nước ngoài | Không  |
| Dân lập | Không |   | Loại hình khác  | Không  |
| Trường liên kết với nước ngoài  | Không |  |  |  |

**1. Số nhóm trẻ, lớp mẫu giáo**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  **Số nhóm, lớp** | **Năm học****2015-2016** | **Năm học****2016-2017** | **Năm học****2017-2018** | **Năm học****2018 -2019** | **Năm học****2019 -2020** |
| Số nhóm trẻ từ 3 đến 12 tháng tuổi | 00 | 00 | 00 | 00 | 00 |
| Số nhóm trẻ từ 13 đến 24 tháng tuổi | 02 | 02 | 02 | 02 | 02 |
| Số nhóm trẻ từ 25 đến 36 tháng tuổi | 03 | 03 | 03 | 02 | 02 |
| Số lớp mẫu giáo từ 3 - 4 tuổi | 04 | 04 | 03 | 03 | 04 |
| Số lớp mẫu giáo từ 4 - 5 tuổi | 03 | 03 | 03 |   03 |   03 |
| Số lớp mẫu giáo từ 5 - 6 tuổi | 02 | 02 | 03 | 04 | 04 |
| **Cộng** | **14** | **14** | **14** | **14** | **15** |

**2. Cơ cấu khối công trình nhà trường:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Số liệu** | **Năm học 2015-2016** | **Năm học 2016-2017** | **Năm học 2017-2018** | **Năm học 2018-2019** | **Năm học 2019-2020** | **Ghi chú** |
| **I** | Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo | **14** | **14** | **14** | **14** | **15** |  |
| 1 | Phòng kiên cố | 14 | 14 | 14 | 14 | 15 |  |
| 2 | Phòng bán kiên cố | 00 | 00 | 00 | 00 | 00 |  |
| 3 | Phòng tạm | 00 | 00 | 00 | 00 | 00 |  |
| **II** | Khối phòng phục vụ học tập | 14 | 14 | 14 | 14 | 15 |  |
| 1 | Phòng kiên cố | 14 | 14 | 14 | 14 | 15 |  |
| 2 | Phòng bán kiên cố | 00 | 00 | 00 | 00 | 00 |  |
| 3 | Phòng tạm | 00 | 00 | 00 | 00 | 00 |  |
| **III** | Khối phòng hành chính quản trị  | **01** | **01** | **01** | **01** | **01** |  |
| 1 | Phòng kiên cố | 01 | 01 | 01 | 01 | 01 |  |
| 2 | Phòng bán kiên cố | 00 | 00 | 00 | 00 | 00 |  |
| 3 | Phòng tạm | 00 | 00 | 00 | 00 | 00 |  |
| **IV** | Khối phòng tổ chức ăn | 14 | 14 | 14 | 14 | 15 |  |
| **V** | Phòng y tế | 03 | 03 | 03 | 03 | 01 |  |
|  | **Cộng** | **18** | **18** | **18** | **18** | **19** |  |

**3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên**

a) Số liệu tại thời điểm tự đánh giá: tháng 02 năm 2021

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Tổng số**  | **Nữ**  | **Dân tộc**  | **Trình độ đào tạo** | **Ghi chú**  |
| Chưa đạt chuẩn | Ðạt chuẩn | Trên chuẩn |
| Hiệu trưởng | 01 | 01 | 00 | 00 | 0 | 01 |  |
| Phó hiệu trưởng | 02 | 02 | 00 | 00 | 00 | 02 |  |
| Giáo viên | 31 | 31 | 00 | 00 | 10 | 21 |  |
| Nhân viên | 16 | 12 | 00 | 00 | 14 | 02 |  |
| **Cộng** | **50** | **46** | **00** | **03** | **21** | **26** |   |

b) Số liệu của 5 năm gần đây:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Số liệu | **Năm học****2015-2016** | **Năm học****2016-2017** | **Năm học****2017-2018** | **Năm học****2018-2019** | **Năm học****2019-2020** |
| 01 | Tổng số giáo viên | 30 | 30 | 30 | 29 | 31 |
| 02 | Tỷ lệ trẻ/giáo viên *(đối với nhóm trẻ)* | 159/12= 13.2 | 124/12=10.3 | 114/10=11.4 | 104/11=9.4 | 94/9=10.4 |
| 03 | Tỷ lệ trẻ/giáo viên *(đối với lớp mẫu giáo không có trẻ bán trú)* | 00 | 00 | 00 | 00 | 00 |
| 04 | Tỷ lệ trẻ/giáo viên *(đối với lớp mẫu giáo có trẻ bán trú)* | 335/18=18.6 | 388/18=21.5 | 388/20=19.4 | 360/18=20 | 365/22=16.6 |
| 05 | Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện và tương đương | 00 | 04 | 00 | 02 | 00 |
| 06 | Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh và tương đương trở lên | 00 | 00 | 00 | 00 | 00 |

**4. Trẻ em**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Số liệu** | **Năm học 2015-2016** | **Năm học 2016-2017** | **Năm học 2017-2018** | **Năm học 2018-2019** | **Năm học 2019-2020** | **Ghi chú** |
| 1 | Tổng số trẻ em | 456 | 512 | 473 | 462 | 449 |  |
| *- Nữ* | 190 | 249 | 232 | 197 | 199 |  |
| *- Dân tộc thiểu số* | 15 | 15 | 16 | 10 | 08 |  |
| 2 | Đối tượng chính sách | 03 | 02 | 00 | 00 | 00 |  |
| 3 | Khuyết tật | 02 | 01 | 00 | 00 | 00 |  |
| 4 | Tuyển mới | 171 | 146 | 116 | 117 | 33 |  |
| 5 | Học 2 buổi/ngày | 00 | 00 | 00 | 00 | 00 |  |
| 6 | Bán trú | 456 | 512 | 473 | 462 | 449 |  |
| 7 | Tỉ lệ trẻ em/lớp | 355/9=39.4 | 388/9=43.1 | 361/10=36.1 | 342/9=38 | 355/11=32.2 |  |
| 8 | Tỉ lệ trẻ em/nhóm | 101/5=20.2 | 124/5=24.8 | 112/4=28 | 120/5=30 | 94/4=23.5 |  |
| 9 | - Trẻ em từ 06 đến 12 tháng tuổi | 00 | 00 | 00 | 00 | 00 |  |
| - Trẻ em từ 13 đến 18 tháng tuổi | 11 | 18 | 18 | 23 | 17 |  |
| - Trẻ em từ 19 đến 24 tháng tuổi | 26 | 27 | 30 | 28 | 22 |  |
| - Trẻ em từ 25 đến 36 tháng tuổi | 64 | 82 | 64 | 69 | 55 |  |
| - Trẻ em từ 3-4 tuổi | 149 | 113 | 88 | 111 | 116 |  |
| - Trẻ em từ 4-5 tuổi | 127 | 148 | 117 | 104 | 103 |  |
| - Trẻ em từ 5-6 tuổi | 79 | 124 | 156 | 127 | 136 |  |

**PHẦN II**

**TỰ ĐÁNH GIÁ**

1. **ĐẶT VẤN ĐỀ**
2. Tình hình chung của trường

 Trường mầm non Bé Ngoan huyện Hóc Môn được thành lập theo Quyết định số 205/QĐ-UB ngày 03 tháng 7 năm 2001 của Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn trên cơ sở sáp nhập nhà trẻ Vàng Anh 1 và trường mẫu giáo Bé Ngoan 2. Trường được chính thức hoạt động với quy mô trường mầm non công lập, đơn vị chủ quản là Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn. Trường được xây dựng mới 16 phòng học có quy mô 03 tầng và các khối phục vụ. Điểm chính đặt tại địa chỉ 495 đường Song Hành Quốc Lộ 22, Khu phố 2 Thị trấn Hóc Môn. Tổng số cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên là 50 người. Trong đó cán bộ quản lý: 03; giáo viên: 31; nhân viên: 16. Tổng số nhóm - lớp tổ chức học: 15 (trong đó: nhà trẻ: 04 nhóm; mẫu giáo: 11 lớp). Tổng số trẻ: 449 trẻ (trong đó: nhà trẻ: 94 trẻ; mẫu giáo: 355 trẻ).

 Cơ sở vật chất nhà trường mới xây dựng khang trang, sạch sẽ; trang thiết bị đầy đủ đáp ứng yêu cầu chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ. Diện tích khuôn viên 4.502.4 m2; diện tích sân chơi 1.143.78 m2; diện tích xây dựng 4.371.06 m2; tỷ lệ bình quân 9 m2/trẻ**.** Số phòng học là 16, diện tích trung bình 70-80m2/ phòng, các phòng học đều có đủ ánh sáng, thoáng, sạch, được trang bị đầy đủ đồ dùng đồ chơi phù hợp lứa tuổi.

 Các tổ chức đảng, đoàn thể: chi bộ có 23 đảng viên. Trong đó đảng viên chính thức 22, đảng viên dự bị 01. Các đảng viên đều là lực lượng nòng cốt, luôn đi đầu trong các phong trào; công đoàn có: 50/50 công đoàn viên. Công đoàn thực hiện đúng điều lệ, ban chấp hành công đoàn tích cực vận động công đoàn viên tham gia xây dựng tổ chức công đoàn, hoạt động xã hội; chi đoàn có: 11 đoàn viên, tham gia tốt các phong trào do nhà trường và địa phương phát động; có 01 chi Hội khuyến học và Hội chữ thập đỏ hoạt động theo chỉ đạo của Thị trấn.

 Trong quá trình hình thành và phát triển với sự cố gắng nỗ lực của đội ngũ trường đã đạt nhiều thành tích như: đạt danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” nhiều năm liền, bằng khen thành phố, chi bộ đạt tiêu biểu năm 2017, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2018, năm 2019 hoàn thành tốt nhiệm vụ; đạt danh hiệu “Đơn vị văn hóa” cấp huyện nhiều năm liền.

 Trường tham gia tốt các phong trào thi đua do ngành và địa phương phát động; được công đoàn giáo dục huyện khen thưởng 5 năm thực hiện tốt cuộc vận động “Mỗi thầy, cô giáo là một tấm gương đạo đức tự học và sáng tạo”; công đoàn đạt “Vững mạnh xuất sắc”; đoàn thanh niên đạt “Chi đoàn mạnh” nhiều năm liền; có 02 đoàn viên được tuyên dương giáo viên trẻ tiêu biểu và gương thanh niên tiên tiến đất vườn trầu cấp huyện.

1. Mục đích tự đánh giá

 Kiểm định chất lượng giáo dục giúp nhà trường xác định mức độ đạt được về mục tiêu giáo dục trong từng giai đoạn để xây dựng kế hoạch cải tiến, nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ. Thông báo công khai với các cơ quan quản lý nhà nước và xã hội về thực trạng chất lượng giáo dục của nhà trường.

 Qua kết quả tự đánh giá giúp cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên nhận ra được những điểm mạnh, điểm yếu của trường, từ đó có biện pháp khắc phục phù hợp để cải thiện chất lượng hoạt động của nhà trường trong những năm tiếp theo nhằm đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng quy định.

1. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động tự đánh giá

 Trường mầm non Bé Ngoan tự kiểm định chất lượng nhà trường để góp phần đẩy mạnh công tác đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục. Quy trình tự đánh giá của trường được tiến hành như sau:

 Cử cán bộ quản lý tham dự tập huấn công tác kiểm định chất lượng giáo dục trường mầm non do Sở Giáo dục và Đào tạo Thành Phố Hồ Chí Minh tổ chức vào ngày 04, 05, 06 tháng 01 năm 2019 ngày 22, 23, 24 tháng 11 năm 2020

 Ngày 18 tháng 09 năm 2020, nhà trường thành lập Hội đồng tự đánh giá, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên, phân công dự thảo kế hoạch đánh giá, thông qua buổi họp Hội đồng sư phạm và triển khai công tác kiểm định chất lượng giáo dục trường mầm non, tập huấn cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên.

 Từ ngày 18 tháng 12 năm 2020 đến ngày 11 tháng 01 năm 2021: các nhóm thu thập, mã hóa các minh chứng, phân công cá nhân viết phiếu đánh giá tiêu chí.

 Ngày 16 tháng 09 năm 2020 đến 23 tháng 09 năm 2020: thông qua hoạt động tự đánh giá của các thành viên, tổ nhóm, hội đồng tự đánh giá thống nhất về mức độ đơn vị đạt được theo từng tiêu chuẩn, tiêu chí và thông qua đề cương chi tiết báo cáo tự đánh giá.

 Từ ngày 01 tháng 12 năm 2020 đến ngày 15 tháng 12 năm 2020: họp Hội đồng tự đánh giá để thông qua báo cáo tự đánh giá đã sửa chữa, xử lý các ý kiến đóng góp.

 Ngày 22 tháng 12 năm 2020: hoàn thiện báo cáo tự đánh giá, công bố bản báo cáo tự đánh giá đã hoàn thiện.

 Thực hiện hồ sơ đăng ký đánh giá ngoài ngày 05 tháng 02 năm 2021 với Phòng Giáo dục và Đào tạo.

1. **TỰ ĐÁNH GIÁ**

 **Tiêu chuẩn 1. Tổ chức và quản lý nhà trường**

 **Mở đầu:** trường mầm non Bé Ngoan có cơ cấu tổ chức bộ máy theo đúng quy định của Điều lệ trường mầm non. Cơ cấu tổ chức của trường gồm có: hội đồng trường; hội đồng thi đua khen thưởng và các hội đồng khác hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên nhà trường luôn chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; có tinh thần trách nhiệm cao, năng động trong công việc; thực hiện tốt các phong trào thi đua và hoàn thành tốt nhiệm vụ chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ theo quy định.

 **Tiêu chí 1.1. Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường**

*Mức 1:*

1. *Phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;*
2. *Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;*
3. *Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo.*

 *Mức 2:*

*Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.*

 *Mức 3:*

*Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ trẻ và cộng đồng.*

1. **Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

1. Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch chiến lược nhiệm kỳ 2017-2022 phát triển nhà trường phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non được quy định tại Luật Giáo dục [H1-1.1-01] phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường [H1-1.1-02].
2. Kế hoạch chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường được thể hiện bằng văn bản và được Phòng Giáo dục và Đào tạo phê duyệt vào ngày 15 tháng 9 năm 2017 [H1-1.1-01].
3. Kế hoạch chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường được niêm yết vào tháng 9 năm 2017, tại bảng công khai của nhà trường [H1-1.1-03]. Tuy nhiên, hình thức công khai được đăng tải trên cổng thông tin điện tử của nhà trường còn chậm [H1-1.1-03].

Mức 2:

Hàng năm, nhà trường xây dựng kế hoạch năm học để triển khai thực hiện chiến lược phát triển trường mầm non một cách cụ thể [H1-1.1-04]; đồng thời Ban thanh tra nhân dân thường xuyên theo dõi, giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường một cách đầy đủ và hiệu quả [H1-1.1-05].

Mức 3:

Nhà trường có rà soát, bổ sung, điều chỉnh kế hoạch xây dựng và phát triển [H1-1.1-06]. Chưa có sự tham gia của cha mẹ trẻ và cộng đồng trong việc xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường.

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non, được niêm yết tại bảng công khai của nhà trường, được Phòng Giáo dục và Đào tạo phê duyệt được Ban thanh tra nhân dân thường xuyên theo dõi, giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường một cách đầy đủ và hiệu quả.

**3. Điểm yếu**

Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường chưa được đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường trong những năm trước, chưa có sự tham gia của cha mẹ trẻ và cộng đồng trong việc xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ tháng 02 năm 2021 và các năm tiếp theo, hiệu trưởng tiếp tục chỉ đạo văn thư đăng tải kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường trên cổng thông tin điện tử, tổ chức cuộc họp mời Hội đồng trường, Ban thanh tra nhân dân, Ban đại diện cha mẹ học sinh tham gia phối hợp lấy ý kiến đóng góp, trong việc điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường các năm tiếp theo.

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 2.

**Tiêu chí 1.2. Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác**

*Mức 1:*

1. *Được thành lập theo quy định;*
2. *Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;*
3. *Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.*

*Mức 2:*

*Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của nhà trường.*

1. **Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Trường mầm non Bé Ngoan có Hội đồng trường được thành lập theo quy định gồm 09 thành viên. Ngoài Hội đồng thi đua khen thưởng, nhà trường còn thành lập Hội đồng khoa học xét duyệt sáng kiến kinh nghiệm và hội đồng chấm thi giáo viên giỏi cấp trường [H1-1.2-01].

b) Các hội đồng hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Điều lệ trường mầm non theo văn bản hợp nhất số 04/VBHN-BGDĐT ngày 24 tháng 12 năm 2015, đảm bảo các chế độ hội họp đầy đủ và được thống nhất các nội dung trong buổi họp và lập thành biên bản [H1-1.2-02].

c) Nghị quyết hội đồng trường được rà soát định kỳ và đánh giá trong từng giai đoạn, thực hiện báo cáo và có đánh kết quả từng lĩnh vực thực hiện, kể cả chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các thành viên hội đồng [H1-1.2-03].

Mức 2:

Hội đồng trường và các hội đồng khác hoạt động có hiệu quả như theo dõi việc thực hiện quy chế dân chủ, tổ chức tốt phong trào thi đua khen thưởng, phát huy tính tích cực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên thực hiện tốt các phong trào hỗ trợ nhà trường xây dựng đội ngũ giáo viên giỏi, xét sáng kiến kinh nghiệm đúng thời gian quy định góp phần nâng cao chất lượng hoạt động của nhà trường

[H1-1.1-03]. Tuy nhiên một số thành viên trong hội đồng trường chưa mạnh dạn trong việc đóng góp ý kiến xây dựng đội ngũ.

**2. Điểm mạnh**

Trường có hội đồng trường và các hội đồng khác được thành lập theo quy định, hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn một cách có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ

**3. Điểm yếu**

Một số thành viên trong hội đồng trường chưa mạnh dạn trong việc đóng góp ý kiến xây dựng đội ngũ.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2021-2022 và những năm tiếp theo Chủ tịch Hội đồng sẽ tạo điều kiện cho các thành viên trong hội đồng trường nắm chắc mục tiêu, chỉ tiêu trong từng mặt hoạt động để mạnh dạn trong việc đóng góp ý kiến xây dựng đội ngũ.

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 2.

**Tiêu chí 1.3. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường**

*Mức 1:*

*a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;*

*b) Hoạt động theo quy định;*

*c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.*

*Mức 2:*

*a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm* hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

*b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường.*

*Mức 3:*

*a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm* hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

*b) Các đoàn thể, tổ chức khác đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Trường có các đoàn thể và các tổ chức khác được cơ cấu tổ chức theo quy định, tổ chức công đoàn gồm có Ban chấp hành công đoàn 03 người, công đoàn viên gồm 50 người, tổ chức công đoàn trực thuộc Liên đoàn lao động huyện Hóc Môn [H1-1.3-01], tổ chức Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh gồm có Ban chấp hành chi đoàn 03 người và 08 đoàn viên, tổ chức đoàn thanh niên trực thuộc Đoàn Thị trấn [H1-1.3-02]. Ngoài ra có các tổ chức xã hội: Hội chữ thập đỏ

[H1-1.3-03], Hội khuyến học [H1-1.3-04].

b) Ban chấp hành công đoàn thực hiện đúng nhiệm vụ và chức năng Công đoàn [H1-1.3-01]. Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh gồm 11 đoàn viên hoạt động theo sự chỉ đạo trực thuộc Đoàn Thị trấn [H1-1.3-02]. Hội chữ thập đỏ hoạt động theo chỉ đạo của Hội chữ thập đỏ huyện Hóc Môn và thực hiện tham gia hoạt động chữ thập đỏ [H1-1.3-03], Hội khuyến học hoạt động chăm lo cho trẻ nghèo hiếu học [H1-1.3-04].

c) Hằng năm, các đoàn thể và các tổ chức khác được cấp trên rà soát, đánh giá*,* Công đoàn cơ sở đạt vững mạnh, Chi đoàn đạt mạnh [H1-1.3-05].

Mức 2:

a) Trường có Chi bộ Đảng trực thuộc Đảng ủy Thị trấn Hóc Môn được cơ cấu, tổ chức hoạt động theo khuôn khổ hiến pháp, pháp luật và điều lệ Đảng cộng sản Việt Nam, chi bộ gồm có 23 đảng viên, cấp ủy gồm 03 đồng chí do hiệu trưởng là Bí thư chi bộ, đồng chí phó hiệu trưởng là phó bí thư chi bộ, một đồng chí phó hiệu trưởng là chi ủy viên theo quyết định chuẩn y của Đảng ủy Thị trấn [H1-1.3-06]. Chi bộ tổ chức sinh hoạt định kỳ hằng tháng theo quy định để đánh giá các hoạt động giáo dục trong nhà trường [H1-1.3-06]. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 02 năm được đánh giáhoàn thành tốt nhiệm vụ, còn lại 3 năm hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ [H1-1.3-06].

b) Hằng tháng chi bộ, công đoàn, chi đoàn đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường đề ra phương hướng nhiệm vụ hoạt động của nhà trường, tuyên truyền, vận động người lao động học tập nâng cao trình độ, chấp hành pháp luật [H1-1.3-01]. Đoàn thanh niên thực hiện các công trình thanh niên do chi đoàn đề ra phương hướng [H1-1.3-02], Hội chữ thập đỏ đóng góp theo kế hoạch vận động của hội chữ thập đỏ huyện [H1-1.3-03], Hội khuyến học vận động nuôi heo đất, chăm lo cho trẻ nghèo, khó khăn [H1-1.3-04].

Mức 3:

a) Trong 5 năm liên tiếp, có 03 năm từ 2015 đến 2017 chi bộ đạt trong sạch vững mạnh, năm 2018 đạt tiêu biểu, năm 2019 được đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, năm 2020 được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ [H1-1.3-06].

b) Chi bộ, Công đoàn, Chi đoàn đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng [H1-1.3-01]. Ban chấp hành Chi đoàn có nhiều kinh nghiệm tham gia đạt nhiều giải cao trong các phong trào [H1-1.3-02], tuy nhiên Chủ tịch công đoàn mới chưa có nhiều kinh nghiệm chưa đầu tư cho các hội thi nên chưa đạt giải cao, Hội khuyến học nhà trường chăm lo cho trẻ nghèo, khó khăn nhưng kinh phí còn hạn hẹp, hình thức chăm lo chưa đa dạng phong phú.

**2. Điểm mạnh**

Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức và hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định. Ban chấp hành Chi đoàn có nhiều kinh nghiệm tham gia đạt nhiều giải cao trong các phong trào.

**3. Điểm yếu**

Hội khuyến học nhà trường chăm lo cho trẻ nghèo, khó khăn nhưng kinh phí còn hạn hẹp, hình thức chăm lo chưa đa dạng phong phú. Công đoàn chưa đạt giải cao trong các hội thi.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Vào đầu năm học 2021-2022 và những năm tiếp theo, Hội khuyến học tham mưu với hiệu trưởng, phối hợp giáo viên tiếp tục vận động mạnh thường quân tài trợ kinh phí để có nguồn chăm lo cho trẻ có hoàn cảnh khó khăn, tổ chức nhiều hình thức chăm lo đa dạng phong phú. Hiệu trưởng chỉ đạo Ban thanh tra nhân dân theo dõi, giám sát việc thực hiện.

Hiệu trưởng hỗ trợ công đoàn đầu tư cho các hội thi do cấp trên tổ chức, tạo điều kiện cho Chủ tịch công đoàn có thời gian, kinh phí trang bị, dụng cụ để tham gia các hội thi đạt hiệu quả.

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 3.

**Tiêu chí 1.4. Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng**

*Mức 1:*

*a) Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định;*

*b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;*

*c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.*

*Mức 2:*

*a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề chuyên môn có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;*

*b) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.*

*Mức 3:*

*a) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường;*

*b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Trường mầm non Bé Ngoan huyện Hóc Môn thuộc trường hạng I, có 01 hiệu trưởng được bổ nhiệm theo Quyết định số 7981/QĐ-UBND ngày 17 tháng 5 năm 2017; 01 phó hiệu trưởng phụ trách giáo dục được bổ nhiệm theo Quyết định số 1605/QĐ-UBND ngày 17 tháng 3 năm 2020; 01 phó hiệu trưởng phụ trách chăm sóc nuôi dưỡng được bổ nhiệm theo Quyết định số 05/QĐ-UBND ngày 25 tháng 7 năm 2017 do Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn ra quyết định bổ nhiệm [H1-1.4-01].

b) Trường mầm non Bé Ngoan có 05 tổ chuyên môn có cơ cấu tổ chức đúng theo quy định tại Điều lệ trường mầm non: tổ giáo viên khối Nhà trẻ 25 - 36 tháng tuổi (09 giáo viên); tổ giáo viên khối Mầm 3 - 4 tuổi (08 giáo viên); tổ giáo viên khối Chồi 4 - 5 tuổi (06 giáo viên); tổ giáo viên khối Lá 5 - 6 tuổi (08 giáo viên); tổ cấp dưỡng (06 nhân viên); tổ văn phòng (16 nhân viên). Mỗi tổ có 01 Tổ trưởng và 01 tổ phó chuyên môn [H1-1.4-02].

c) Căn cứ vào kế hoạch năm học của nhà trường, tổ chuyên môn, xây dựng kế hoạch hoạt động năm học và thực hiện các nhiệm vụ chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ theo quy định [H1-1.4-03].

Mức 2:

a) Năm học 2020-2021 tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện 04 chuyên đề cấp trường chuyên đề “Các hoạt động giáo dục phát triển tình cảm và kĩ năng xã hội cho trẻ trong trường mầm non” chuyên đề “Nâng cao chất lượng đổi mới tổ chức hoạt động phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non” chuyên đề đổi mới giờ ăn, tăng cường hoạt động thể chất [H1-1.4-05].

b) Hằng tháng tổ chuyên môn và tổ văn phòng sinh hoạt chuyên môn định kỳ 02 tuần/1 lần để rà soát, đánh giá, điều chỉnh và xây dựng kế hoạch hoạt động cho tháng tiếp theo [H1-1.4-04].

Mức 3:

a) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng sinh hoạt đều đặn và có thảo luận đóng góp xây dựng chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng hiệu quả trong hoạt động của nhà trường, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ [H1-1.4-04].

b) Tổ chuyên môn thực hiện các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ [H1-1.4-05]. Tuy nhiên một số giáo viên mới ra trường chưa sáng tạo trong việc soạn giảng.

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường có đầy đủ cơ cấu tổ chức bộ máy và hoạt động theo quy định tại Điều lệ trường mầm non. Tổ chuyên môn, tổ văn phòng sinh hoạt đều đặn và có thảo luận đóng góp xây dựng chuyên môn.

**3. Điểm yếu**

Một số giáo viên mới ra trường chưa sáng tạo trong việc soạn giảng.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Tháng 9 năm học 2021-2022 và những năm tiếp theo Hiệu trưởng tiếp tục phân công phó hiệu trưởng duyệt kế hoạch dự giờ tiết dạy, tổ chuyên môn hướng dẫn cách soạn giảng để giúp giáo viên mới nắm vững chuyên môn, sáng tạo trong phương pháp dạy.

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 2.

**Tiêu chí 1.5. Tổ chức nhóm trẻ và lớp mẫu giáo**

*Mức 1:*

*a) Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được phân chia theo độ tuổi; trong trường hợp số lượng trẻ trong mỗi nhóm, lớp không đủ 50% so với số trẻ tối đa quy định tại Điều lệ trường mầm non thì được tổ chức thành nhóm trẻ ghép hoặc lớp mẫu giáo ghép;*

*b) Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được tổ chức học 02 buổi trên ngày;*

*c) Mỗi nhóm trẻ, lớp mẫu giáo có không quá 02 (hai) trẻ cùng một dạng khuyết tật.*

*Mức 2:*

*Số trẻ trong các nhóm trẻ và lớp mẫu giáo không vượt quá quy định và được phân chia theo độ tuổi.*

*Mức 3:*

*Nhà trường có không quá 20 (hai mươi) nhóm trẻ, lớp mẫu giáo.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Vào tháng 02/2021 trường có 15 nhóm lớp được xếp vào độ tuổi đúng quy định, trong đó 04 nhóm nhà trẻ (01 nhóm 13-18 tháng; 01 nhóm 19-24 tháng; 02 nhóm 25-36 tháng) và 11 lớp mẫu giáo (04 lớp mầm; 03 lớp chồi; 04 lớp lá) [H1-1.05-01].

b) 100% trẻ của các khối lớp được nhà trường tổ chức học bán trú trong ngày [H1-1.5-01].

c) Năm học 2018-2019 trường có 01 trẻ khuyết tật trí tuệ được xếp vào lớp lá 2 [H1-1-05-02]. Năm 2019-2020 và 2020-2021 trường không có trẻ khuyết tật

[H1-1.5-01].

Mức 2:

Năm học 2020-2021 toàn trường có tổng số 449 trẻ trong đó:

- 01 nhóm 13-18 tháng:17 trẻ

- 01 nhóm 19-24 tháng: 22 trẻ

- 03 nhóm 25-36 tháng: 55 trẻ

- 04 lớp mẫu giáo 3-4 tuổi: 116 trẻ

- 03 lớp mẫu giáo 4-5 tuổi: 103 trẻ

- 04 lớp mẫu giáo 5-6 tuổi: 136 trẻ

Năm học 2020-2021 số trẻ của trường không vượt quá quy định theo Điều lệ trường mầm non và được phân chia theo độ tuổi, tuy nhiên Số trẻ của các nhóm nhà trẻ thường không ổn định[H1-1-05-01].

Mức 3:

Nhà trường có 11 lớp mẫu giáo phù hợp với quy định [H1-1.5-01].

**2. Điểm mạnh**

Trường có các nhóm lớp, được phân chia theo đúng độ tuổi và tổ chức học 02 buổi/ngày.

**3. Điểm yếu**

Số trẻ của các nhóm nhà trẻ thường không ổn định

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Trong năm học 2021-2022 và những năm tiếp theo, trường duy trì trẻ đúng độ tuổi, đủ số lượng theo quy định, ban giám hiệu chỉ đạo giáo viên vận động phụ huynh cho con đi học đều, duy trì sỉ số.

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 2.

**Tiêu chí 1.6. Quản lý hành chính, tài chính và tài sản**

*Mức 1:*

*a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;*

*b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;*

*c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.*

*Mức 2:*

*a) Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;*

*b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.*

*Mức 3:*

*Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.*

1. **Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Trường mầm non Bé Ngoan quản lý hồ sơ, sổ sách của nhà trường sắp xếp khoa học được thực hiện lưu trữ đúng theo quy định như: hồ sơ quản lý nhân sự [H1-1.4-01]; hồ sơ thi đua [H1-1.6-01]; hồ sơ kiểm tra bộ phận [H1-1.6-02]; sổ công văn đi, đến [H1-1.6-03]; hồ sơ quản lý tài sản, tài chính, cơ sở vật chất

[H1-1.6-04]; hồ sơ quản lý bán trú [H1-1.6-05].

b) Nhà trường lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản theo quy định [H1-1.6-04]. Thực hiện công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định [H1-1.6-04]. Xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ thông qua Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức hằng năm để đuợc bổ sung, cập nhật kịp thời cho phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành [H1-1.6-06].

c) Hằng năm, có xây dựng quy chế sử dụng tài chính, tài sản đúng theo mục đích, có hiệu quả phục vụ cho hoạt động giáo dục [H1-1.6-04].

Mức 2:

a) Nhà trường thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính thông qua các phần mềm như: phần mềm quản lý cán bộ công chức, phần mềm EPMIS, phần mềm quản lý dữ liệu giáo dục, phần mềm phổ cập giáo dục [H1-1.6-07]. Nhà trường thực hiện quản lý tài chính và tài sản thông qua các phần mềm như: phần mềm quản lý tài sản, phần mềm kế toán IMAS

 [H1-1.6-07].

b) Trong 5 năm qua nhà trường không vi phạm về công tác hành chính

[H1-1.6-08]. Thực hiện quản lý tài sản theo quy định không để sai phạm

[H1-1.6-04].

Mức 3:

Nhà trường chưa thực hiện kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường có đầy đủ hồ sơ quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo đúng quy định. Nhà trường quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.

**3. Điểm yếu**

Nhà trường chưa thực hiện kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Trong năm học 2021-2022 và những năm tiếp theo hiệu trưởng phối hợp với kế toán thực hiện kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 2.

**Tiêu chí 1.7. Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên.**

*Mức 1:*

*a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;*

*b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý, đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường;*

*c) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.*

*Mức 2:*

*Có biện pháp để phát huy được năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Hằng năm, hiệu trưởng căn cứ vào kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn của Phòng Giáo dục và Đào tạo, căn cứ vào năng lực chuyên môn của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, xây dựng kế hoạch cụ thể để bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên, khuyến khích và tạo điều kiện cho giáo viên, nhân viên tham gia bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ

 [H1-1.7-01].

b) Hiệu trưởng có các quyết định phân công sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên hợp lý đúng người, đúng việc, phù hợp năng lực chuyên môn, sở trường kinh nghiệm trong công tác mang lại hiệu quả hoạt động của nhà trường: giáo viên lâu năm trong ngành vững chuyên môn bố trí với giáo viên còn ít kinh nghiệm để hỗ trợ trong công tác chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục trẻ [H1-1.7-02]

c) Nhà trường đảm bảo việc thực hiện đúng chế độ tiền lương, phụ cấp, tiền thưởng ngày lễ, tết, chế độ về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, chế độ nâng lương, chế độ tham quan học tập, khám sức khỏe 01 lần/năm, được nghỉ chế độ đau ốm, thai sản theo chế độ chính sách quy định; hiệu trưởng tạo điều kiện để giáo viên, nhân viên tham gia các lớp học bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ [H1-1.6-04]. Được sử dụng cơ sở vật chất, các trang thiết bị nhà trường trang bị và có sự bảo quản và được kiểm kê tài sản theo định kỳ [H3-3.5-01].

Mức 2:

Hằng năm, nhà trường có các biện pháp để phát huy được năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên nhân viên trong việc xây dựng phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường như: tham gia học các lớp học bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, các lớp học nâng cao [H1-1.7-03]. Tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên môn [H1-1.4-04], thực hiện các chuyên đề cấp trường [H1-1.4-05]. Qua đó đã phát huy được tính tự giác, tính tích cực, tính sáng tạo của đội ngũ, đổi mới phương pháp trên cơ sở [sử dụng](https://gdnn.edu.vn/tag/su-dung) và khai thác khả năng các phương tiện, thiết bị dạy học hiện đại, tuy nhiên còn một giáo viên lớn tuổi sức ỳ còn lớn, 02 giáo viên mới chưa phát huy tính độc lập, sáng tạo trong chuyên môn.

**2. Điểm mạnh**

Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, được phân công hợp lý để phát huy tối đa năng lực, được đảm bảo các quyền theo quy định.

1. **Điểm yếu**

Một giáo viên lớn tuổi sức ỳ còn lớn, 02 giáo viên mới chưa mạnh dạn phát huy tính độc lập, sáng tạo trong chuyên môn.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

 Năm học 2021-2022, nhà trường tiếp tục thực hiện bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên. Hiệu trưởng chỉ đạo các tổ trưởng chuyên môn xây dựng đề ra các biện pháp vận động tính tích cực, tính tự giác của giáo viên lớn tuổi, phát huy tính sáng tạo, tính tích cực học tập của đội ngũ giáo viên mới ra trường. Tổ chức các phong trào, các hội thi, các hoạt động tập thể, xây dựng các trò chơi… để tập tính mạnh dạn, tự tin, độc lập phát huy tố chất năng lực của giáo viên trẻ mới ra trường.

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 2.

**Tiêu chí 1.8. Quản lý các hoạt động giáo dục**

*Mức 1:*

*a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;*

*b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;*

*c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.*

*Mức 2:*

*Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Hằng năm nhà trường căn cứ thông tư 28/2016/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi Chương trình giáo dục mầm non, căn cứ kế hoạch năm học của bậc học mầm non của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn; căn cứ vào tình hình cơ sở vật chất, nguồn lực, đặc điểm tâm sinh lý của trẻ để xây dựng kế hoạch giáo dục cho phù hợp điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường [H1-1.1-04].

b) Kế hoạch giáo dục nhà trường và kế hoạch giáo dục của giáo viên được thực hiện đầy đủ các nội dung như: kế hoạch năm, trọng tâm công tác tháng, kế hoạch tháng, kế hoạch tuần. Các nội dung trong kế hoạch có sự thống nhất, trong quá trình thực hiện [H1-1.8-01];[H1-1.1-04]; [H1-1.4-03]; [H1-1.7-02].

c) Kế hoạch giáo dục, hằng tháng, cuối học kỳ và cuối năm học được ban giám hiệu, giáo viên, nhân viên thực hiện rà soát và đánh giá kết quả và điều chỉnh kế hoạch kịp thời để mang lại hiệu quả chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ

 [H1-1.8-02]; [H1-1.2-03]. Hằng năm, nhà trường tiến hành kiểm tra thực tế kỹ năng của trẻ ở các lớp để điều chỉnh kế hoạch giáo dục trường, lớp cho phù hợp với thực tế giúp trẻ hoàn chỉnh kỹ năng độ tuổi. [H1-1.8-02].

Mức 2:

Từ năm 2017 đến nay hiệu trưởng chỉ đạo ban kiểm tra chuyên môn thực hiện nhiều biện pháp kiểm tra, đánh giá đối với các hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ như: kiểm tra chuyên đề bộ phận, kiểm tra đột xuất, kiểm tra định kỳ, kiểm tra hoạt động sư phạm nhà giáo nhằm nâng cao chất lượng trong công tác chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ [H1-1.6-02], được Phòng Giáo dục và Đào tạo đánh giá đạt chất lượng hiệu quả chuyên môn [H1-1.6-08]. Một vài giáo viên soạn kế hoạch chưa nêu hết khó khăn của lớp, kế hoạch giáo dục của nhà trường chưa được góp ý sâu.

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường xây dựng và thực hiện đầy đủ các kế hoạch giáo dục; đồng thời có các biện pháp rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời, phù hợp mang lại hiệu quả trong công tác chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ.

**3. Điểm yếu**

Một vài giáo viên soạn kế hoạch chưa nêu hết khó khăn của lớp, kế hoạch giáo dục của nhà trường chưa được góp ý sâu

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm 2021-2022 Hiệu trưởng sẽ chỉ đạo các tổ chuyên môn, giáo viên nêu hết khó khăn trong kế hoạch, góp ý sâu vào kế hoạch giáo dục nhà trường để đánh giá, điều chỉnh cụ thể hơn

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 2.

**Tiêu chí 1.9. Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở**

*Mức 1:*

*a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;*

*b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;*

*c) Hằng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.*

*Mức 2:*

*Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Hằng năm, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong nhà truờng được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến trực tiếp, hoặc thông qua người đại diện Công đoàn về các nội dung sau: xây dựng Quy chế dân chủ trong trường học, chủ trương, giải pháp thực hiện nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước liên quan đến công việc của đơn vị; nội quy lề lối làm việc, phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống quan liêu [H1-1.9-01]; được tham gia xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ, các chế độ, chính sách liên quan đến quyền và lợi ích của cán bộ, công chức, viên chức; tham gia, góp ý kiến cho các phong trào thi đua trong năm học đúng theo quy định tại Thông tư 11/2020/TT-BGDĐT ngày 19 tháng 05 năm 2020 về thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ sở giáo dục công lập, tuy nhiên, có một vài cá nhân chưa mạnh dạn đóng góp ý kiến trong cuộc họp

 [H1-1.4-04]; [H1-1.9-04].

b) Thông qua buổi họp tại các tổ hằng tháng, các kiến nghị, bức xúc và phản ánh của giáo viên, nhân viên, cha mẹ trẻ về thực hiện nhiệm vụ được giao, về quyền lợi và các chế độ chính sách được hiệu trưởng và Ban chấp hành công đoàn lắng nghe, tiếp thu và phối hợp cùng giải quyết đầy đủ, đúng quy định của pháp luật và nội quy nhà trường [H1-1.9-02].

c) Hằng năm, nhà trường thực hiện chế độ báo cáo quy chế dân chủ của cơ sở chính xác, đúng quy định, đúng thời gian đến Phòng Giáo dục và Đào tạo, hiệu trưởng thực hiện báo cáo quy chế dân chủ đến đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên thông qua trong Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức đúng theo quy định [H1-1.9-03].

Mức 2:

Nhà trường thực hiện nghiêm túc nguyên tắc dân chủ trong quản lý nhà trường, công khai đến tập thể sư phạm, niêm yết tại bản tin trường [H1-1.1-06], thường xuyên thực hiện kiểm tra giám sát với các cá nhân, tổ khối…bằng các hình thức gián tiếp, trực tiếp và hằng tháng [H1-1.6-02]. Ban thanh tra nhân dân thực hiện công tác giám sát việc quản lý và sử dụng tài chính của nhà trường đảm bảo theo đúng quy định [H1-1.9-05]. Qua đó, giúp nhà trường đánh giá đúng tình hình triển khai, thực hiện các chủ trương, quan điểm của Đảng, pháp luật của Nhà nước; nhận ra những mặt đạt được, những hạn chế, khó khăn và nguyên nhân; bài học kinh nghiệm đem lại hiệu quả cao trong việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường, tuy nhiên, có những cá nhân chưa mạnh dạn tham gia đóng góp ý kiến, thắc mắc xây dựng nhà trường.

**2**. **Điểm mạnh**

Nhà trường thực hiện đúng và đầy đủ quy chế dân chủ đã được thống nhất trong tập thể; thực hiện tốt các biện pháp giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

**3. Điểm yếu**

Còn một số cá nhân chưa mạnh dạn tham gia đóng góp ý kiến, thắc mắc xây dựng nhà trường.

**Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2021-2022 và những năm học tiếp theo hiệu trưởng luôn coi trọng và phát huy quyền làm chủ của đội ngũ thực hiện nghiêm túc Hội nghị cán bộ công chức, viên chức hằng năm, nêu rõ trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của mỗi cá nhân, phát huy tính nội lực để đội ngũ mạnh dạn thực hiện dân chủ trực tiếp tránh tình trạng có đơn thư khiếu nại, tố cáo trong nội bộ nhà trường.

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 2.

**Tiêu chí 1.10. Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học**

*Mức 1:*

*a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; Vệ sinh an toàn thực phẩm; An toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; An toàn phòng, chống cháy, nổ; An toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; Phòng, chống dịch bệnh; Phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bếp ăn cho trẻ được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;*

*b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ trong nhà trường;*

*c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.*

*Mức 2:*

*a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ được phổ biến, hướng dẫn, thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy nổ; an toàn phòng, chống thảm họa thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;*

*b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Nhà trường xây dựng kế hoạch đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường

[H1-1.10-01]. Trường có tổ chức bếp ăn cho trẻ, bếp ăn được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm [H1-1.10-01].

b) Nhà trường có hộp thư góp ý, đường dây nóng và hình thức tiếp công dân trực tiếp để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân [H1-1.9-03]; nhà trường có phối hợp với công an địa phương để đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong nhà trường [H1-1.10-02];

c) Nhà trường không có tình trạng phản ánh từ phụ huynh, lãnh đạo, người dân về tình trạng kỳ thị đối với giáo viên, trẻ có hoàn cảnh khó khăn, không có hành vi bạo lực giữa giáo viên với trẻ, giữa trẻ với trẻ, không vi phạm pháp luật về bình đẳng giới [H1-1.10-03].

Mức 2:

a) Nhà trường phổ biến, hướng dẫn cho tất cả cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ em thực hiện phương án: đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy nổ; an toàn phòng, chống thảm họa thiên tai; phòng chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường [H1-1.10-04]. Tuy nhiên phương án phòng chống cháy nổ chưa được đội công an tập huấn thực hành cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên hằng năm.

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự [H1-1.10-03].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường xây dựng và triển khai đầy đủ các phương án để đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học; giáo viên thương yêu trẻ, không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

**3. Điểm yếu**

Các phương án phòng chống cháy nổ chưa được công an phòng cháy chữa cháy tập huấn từng năm.

1. **Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2021-2022 và những năm học tiếp theo, hiệu trưởng sẽ thực hiện hợp đồng với Công an phòng cháy chữa cháy tập huấn phương án phòng chống cháy nổ trong nhà trường

1. **Tự đánh giá:** Đạt Mức 2.

**Kết luận về Tiêu chuẩn 1:**

**Điểm mạnh nổi bật:**

Nhà trường có đủ cơ cấu tổ chức bộ máy theo quy định của Điều lệ trường mầm non. Hiệu trưởng và các phó hiệu trưởng có kế hoạch thực hiện nhiệm vụ chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ. Ban giám hiệu quản lý cụ thể và chỉ đạo kịp thời mọi hoạt động trong nhà trường. Xây dựng dự toán, thực hiện quyết toán theo qui định, có kế hoạch thu chi rõ ràng, công khai tài chính, lưu biên bản kiểm tra đầy đủ. Trường có cơ cấu nhóm, lớp đúng theo qui định của Điều lệ trường mầm non. Luôn đảm bảo an toàn tuyệt đối cho trẻ, có đủ số lượng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên theo đề án vị trí việc làm. Có kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên hằng tháng. Công tác thi đua, khen thưởng đầu năm được nhà trường phát động và thực hiện thi đua khen thưởng vào cuối năm học. Tổ chức và quản lý nhà trường hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu nhiệm vụ đã đề ra, luôn tham gia các phong trào thi đua của ngành và của công đoàn cấp trên phát động.

**Điểm yếu cơ bản:**

Các kế hoạch các phương hướng chưa được đăng tải trên cổng thông tin điện tử của trường, các phong trào tham gia chưa đạt thành tích cao, phương hướng chưa điều chỉnh kịp thời, tổ chuyên môn hoạt động chưa đi vào chiều sâu chưa được đánh giá kịp thời và điều chỉnh để nâng cao chất lượng chuyên môn. Hoạt động Hội khuyến học chưa phong phú, đa dạng. phương án phòng chống cháy nổ chưa được đội công an tập huấn thực hành cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên hằng năm.

**- Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu**: 10/10

**- Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu**: 00

**Tiêu chuẩn 2:** **Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên**

**Mở đầu:**

Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên có phẩm chất đạo đức tốt, có đủ năng lực để tổ chức các hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ, đây là yếu tố quyết định sự phát triển của nhà trường.Các thành viên trong nhà trường luôn có tinh thần trách nhiệm cao, tích cực trong công việc, luôn học hỏi để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và đáp ứng mục tiêu giáo dục đề ra. Nhà trường đã xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ công khai, nghiêm túc, hiệu quả, đảm bảo được quyền lợi của cán bộ, giáo viên, nhân viên.

**Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng**

Mức 1:

*a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;*

*b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;*

*c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.*

*Mức 2:*

*a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên;*

*b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.*

*Mức 3:*

*Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Trường mầm non Bé Ngoan có 01 hiệu trưởng, 02 phó hiệu trưởng, hiệu trưởng có thời gian công tác là 31 năm, phó hiệu trưởng phụ trách chăm sóc nuôi dưỡng có thời gian công tác là 17 năm trong đó có 3 năm làm công tác quản lý, phó hiệu trưởng phụ trách giáo dục mới nhận nhiệm vụ được 01 năm, hiệu trưởng có bằng cử nhân quản lý, hai phó hiệu trưởng có bằng Đại học Sư phạm mầm non, cán bộ quản lý đã qua lớp Trung cấp lý luận chính trị cả 03 người đều đạt chuẩn theo điều lệ trường mầm non [H1-1.4-01]. Vì phó hiệu trưởng phụ trách giáo dục mới nên chưa mạnh dạn góp ý đồng nghiệp.

b) Hằng năm, hiệu trưởng và phó hiệu trưởng đều được nhận xét, góp ý, đánh giá xếp loại tốt theo Chuẩn hiệu trưởng và Chuẩn phó hiệu trưởng trường mầm non theo quy định [H2-2.1-01

c) Hiệu trưởng đã qua lớp đào tạo quản lý trường mầm non, có chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin, lớp bồi dưỡng chuyên viên, 02 phó hiệu trưởng đã qua lớp bồi dưỡng hiệu trưởng. Tuy nhiên hai phó hiệu trưởng chưa qua lớp cử nhân quản lý [H1-1.4-01]; [H1-1.7-02]. Phó hiệu trưởng mới nên chưa có nhiều kinh nghiệm trong công tác quản lý và chưa mạnh dạn góp ý xây dựng đồng nghiệp.

Mức 2:

a) Trong 4 năm liên tiếp hiệu trưởng được Trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo đánh giá Chuẩn hiệu trưởng đạt loại Khá trở lên [H2-2.1-01]

b) Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng đã có giấy chứng nhận Trung cấp lý luận chính trị - hành chính [H1-1.4-01]. Cán bộ quản lý được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm [H2-2.1-02].

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, hiệu trưởng và phó hiệu trưởng có 3 năm được đánh giá Chuẩn hiệu trưởng mức tốt, 01 năm được đánh giá khá [H2-2.1-02].

**2. Điểm mạnh**

Cán bộ quản lý nhà trường có thời gian công tác thâm niên liên tục trong ngành giáo dục mầm non; hằng năm được tập thể nhà trường đánh giá chuẩn đạt mức khá trở lên. Thực hiện tốt công tác quản lý, tổ chức các hoạt động dạy và chăm sóc trẻ trong nhà trường, có đầy đủ văn bằng đạt chuẩn về chuyên môn nghiệp vụ, có lối sống đạo đức tốt, gương mẫu trong đội ngũ.

**3. Điểm yếu**

02 phó hiệu trưởng chưa qua lớp cử nhân quản lý. Phó hiệu trưởng mới nên chưa có nhiều kinh nghiệm trong công tác quản lý và chưa mạnh dạn góp ý xây dựng đồng nghiệp.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ tháng 2 năm 2020-2021 hiệu trưởng yêu cầu phó hiệu trưởng tiếp tục nghiên cứu tài liệu, học tập kinh nghiệm chuyên môn từ đồng nghiệp, nghiệp vụ quản lý để có kinh nghiệm hơn nữa trong công tác quản lý.

Từ tháng 3 năm 2020-2021 hiệu trưởng dự giờ cùng phó hiệu trưởng đóng góp ý kiến và gợi mở cho phó hiệu trưởng đóng góp xây dựng chuyên môn cho giáo viên

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 2

**Tiêu chí 2.2. Đối với giáo viên**

*Mức 1:*

*a) Có đội ngũ giáo viên đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo quy định;*

*b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;*

*c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.*

*Mức 2:*

*a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 55%; đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 40%; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;*

*b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;*

*c) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.*

*Mức 3:*

*a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 65%, đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 50%;*

*b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Nhà trường có đủ số lượng giáo viên theo quy định tại Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16 tháng 3 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, tổng số giáo viên hiện nay là 31/15 nhóm, lớp được phân công để thực hiện chương trình giáo dục mầm non theo quy định [H2-2.2-01], [H1-1.4-02].

b) Trường có 31 giáo viên trong đó có 3 giáo viên còn trình độ chuyên môn trung cấp đạt tỉ lệ 9.6%, 28/31 giáo viên đạt trình độ chuyên môn cao đẳng trở lên tỉ lệ 90.3% [H2-2.2-02], 03 giáo viên đang học nâng cao lớp Đại học Sư phạm mầm non từ năm 2020.

c) Hằng năm, nhà trường đánh giá xếp loại chuẩn nghề nghiệp giáo viên, 100% giáo viên đạt mức khá, tốt trở lên, không có trường hợp đạt yêu cầu

 [H2-2.1-01].

Mức 2:

a) Trình độ đào tạo đạt trên chuẩn của giáo viên đến thời điểm tháng 12 năm 2020 có 21/31 giáo viên đạt tỷ lệ 67.7% trong đó có 7/31 giáo viên trình độ Cao đẳng sư phạm mầm non đạt tỷ lệ 22.5%, được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình bồi dưỡng [H1-1.7-02].

b) Trong 5 năm liên tiếp từ năm 2014 – 2015 đến năm 2019-2020; 100% giáo viên được đánh giá chuẩn như sau:

+ Năm học 2015-2016: có 3/30 giáo viên đánh giá đạt tốt – tỷ lệ 10%; 27/30 giáo viên đánh giá khá – tỷ lệ 90 %.

+ Năm học 2016-2017: có 5/30 giáo viên đánh giá đạt tốt - tỷ lệ 16.7%; 25/30 giáo viên đánh giá khá – tỷ lệ 83.3%.

+ Năm học 2017-2018: có 22/30 giáo viên đánh giá đạt tốt –tỷ lệ 73.3%; 8/30 giáo viên đánh giá khá – tỷ lệ 26.7%.

+ Năm học 2018- 2019: có 29/29 giáo viên đánh giá đạt khá - tỷ lệ 100%.

+ Năm học 2019-2020: có 31/31 giáo viên đánh giá đạt khá - tỷ lệ 100% [H2-2.1-01].

c) Trong 5 năm từ năm 2015 đến 2020 không có giáo viên bị kỷ luật

 [H1-1.4-01].

Mức 3:

a) Trong năm học 2020-2021, nhà trường có 21/31 giáo viên đạt trên chuẩn tỷ lệ 67.7% [H2-2.2-02].

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá đạt 29/31 tỷ lệ 93.5%, số giáo viên được đánh giá đạt chuẩn nghề nghiệp đạt mức tốt chưa đạt 30% hằng năm [H2-2.1-01].

**2. Điểm mạnh**

Trường có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp từ khá trở lên, số giáo viên đạt trình độ trên chuẩn tỷ 67.7%, có đủ giáo viên cho nhóm lớp.

**3. Điểm yếu**

Nhà trường còn 03/31 - tỷ lệ 12.9% giáo viên đạt trình độ trung cấp, đánh giá chuẩn giáo viên hằng năm chưa đạt tốt 30%, còn 2/31 – tỷ lệ 6.4% giáo viên đánh giá chuẩn đạt.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ tháng 02 năm học 2020-2021 hiệu trưởng tiếp tục thực hiện kế hoạch nâng chuẩn, chỉ đạo phó hiệu trưởng lập danh sách 03 giáo viên trình độ trung cấp đưa đi học nâng chuẩn, tạo điều kiện 03 giáo viên trình độ cao đẳng tham gia học Đại học Sư phạm mầm non, dự kiến hoàn thành tốt nghiệp vào năm học 2024 - 2025. Tạo điều kiện cho giáo viên tham gia học nâng cao chuyên môn nâng cao chuẩn nghề nghiệp. Dự giờ, tham khảo tài liệu, lưu trữ minh chứng để đạt chuẩn giáo viên.

**5. Tự đánh giá:**Đạt Mức 2.

**Tiêu chí 2.3. Đối với nhân viên**

*Mức 1:*

*a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;*

*b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;*

*c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.*

*Mức 2:*

*a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;*

*b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.*

*Mức 3:*

*a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;*

*b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Trường mầm non Bé Ngoan có tất cả là 16 nhân viên, trong đó 02 nhân viên phục vụ, 04 bảo vệ, 06 cấp dưỡng, 01 y tế, 01 kế toán, 01 văn thư, 01 thủ quỹ, nhân viên y tế có trình độ trung cấp y sĩ, kế toán có trình độ Đại học đúng chuyên môn, nhân viên văn thư chỉ qua lớp bồi dưỡng chuyên môn, thủ quỹ có trình độ kế toán, 03 bảo vệ được bồi dưỡng nghiệp vụ theo công việc được giao, có 06 cấp dưỡng trong đó 04 đã qua đào tạo sơ cấp nấu ăn, 02 có trình độ trung cấp nấu ăn

[H1-1.4-01]. Nhân viên y tế kiêm nhiệm công tác thủ kho, thủ quỹ được phân công kiêm nhiệm sổ sách bán trú, văn thư kiêm nhiệm công tác phổ cập của nhà trường [H1-1.4-02].

b) Đội ngũ nhân viên của nhà trường thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ chức trách được giao, theo quy định tại Điều lệ trường mầm non, theo đề án vị trí việc làm [H1-1.4-02].

c) Nhân viên được đánh giá hoàn thành nhiệm vụ được giao [H2-2.1-02].

Mức 2:

a) Trường có đủ số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định thực hiện có hiệu quả các công việc của nhà trường: 01 kế toán, văn thư, 01 nhân viên y tế, 01 thủ quỹ, 04 bảo vệ, 02 nhân viên phục vụ, 06 cấp dưỡng [H2-2.2-01].

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H2-2.1-02].

Mức 3:

a) Nhân viên có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm như: kế toán có trình độ đại học chuyên ngành kế toán; y tế có trình độ trung cấp y sĩ; cấp dưỡng đã qua sơ cấp nấu ăn, có 02 cấp dưỡng có bằng Trung cấp nấu ăn; 01nhân viên bảo vệ chưa được bồi dưỡng về nghiệp vụ bảo vệ [H1-1.4-01].

b) Hằng năm, tổng số nhân viên chưa được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường có đủ số lượng nhân viên theo quy định, thực hiện tốt nhiệm vụ được phân công. Nhân viên kế toán và y tế có trình độ trung cấp, đại học, tất cả nhân viên cấp dưỡng đều đã qua lớp sơ cấp, trung cấp nấu ăn, thực hiện tốt nhiệm vụ chăm sóc, nuôi dưỡng cháu.

**3. Điểm yếu**

50% Bảo vệ chưa được bồi dưỡng chuyên môn hàng năm

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2021-2022, cán bộ quản lý đề xuất Phòng giáo dục mở lớp bồi dưỡng nghiệp vụ bảo vệ, tạo điều kiện cho bảo vệ tham gia tập huấn 100%..

**5. Tự đánh giá:**Đạt Mức 2.

**Kết luận về Tiêu chuẩn 2:**

**Điểm mạnh nổi bật:**

Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên có phẩm chất đạo đức tốt, có đủ năng lực để tổ chức các hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ. Tập thể cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên nhà trường đều có tâm huyết với nghề, hoàn thành tốt công tác được giao, không có giáo viên xếp loại yếu kém và bị kỷ luật. Nhân viên y tế và kế toán có trình độ đúng chuyên môn, cấp dưỡng đang tham gia lớp trung cấp nấu ăn. Các nhân viên thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

**Điểm yếu cơ bản:**

Phó hiệu trưởng mới chưa mạnh dạn góp ý, giáo viên chưa đạt chuẩn 100%, 50% Bảo vệ chưa được bồi dưỡng nghiệp vụ hàng năm

**- Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu:** 03/03.

**- Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu:** 00

**Tiêu chuẩn 3. Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học**

**Mở đầu:**

Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học đóng vai trò quan trọng, góp phần không nhỏ trong việc thực hiện nhiệm vụ chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ và nâng cao chất lượng hoạt động dạy học trong nhà trường. Trường mầm non Bé Ngoan đã được xây dựng mới theo tiêu chuẩn trường mầm non đảm bảo diện tích tương ứng với số nhóm lớp. Có tường rào, cổng trường chắc chắn, lớp học thoáng mát, sạch sẽ, đủ ánh sáng, bàn ghế phù hợp lứa tuổi và được trang bị đầy đủ các trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi an toàn, phù hợp. Sân trường tuy hẹp nhưng có đủ các loại đồ dùng, đồ chơi phục vụ cho nhu cầu hoạt động của trẻ. Hằng năm, nhà trường luôn có kế hoạch bổ sung, thay thế, mua sắm thêm dụng cụ, đồ dùng, trang thiết bị cho các lớp đáp ứng nhu cầu dạy và học.

**Tiêu chí 3.1. Diện tích, khuôn viên và sân vườn**

*Mức 1:*

*a) Diện tích khu đất xây dựng hoặc diện tích sàn xây dựng bình quân tối thiểu cho một trẻ đảm bảo theo quy định;*

*b) Có cổng, biển tên trường, tường hoặc hàng rào bao quanh; khuôn viên đảm bảo vệ sinh, phù hợp cảnh quan, môi trường thân thiện và an toàn cho trẻ;*

*c) Có sân chơi, hiên chơi, hành lang của nhóm, lớp; sân chơi chung; sân chơi - cây xanh bố trí phù hợp với điều kiện của nhà trường, an toàn, đảm bảo cho tất cả trẻ được sử dụng.*

*Mức 2:*

*a) Diện tích xây dựng công trình và diện tích sân vườn đảm bảo theo quy định;*

*b) Khuôn viên có tường bao ngăn cách với bên ngoài; có sân chơi của nhóm, lớp; có nhiều cây xanh tạo bóng mát sân trường, thường xuyên được chăm sóc, cắt tỉa đẹp; có vườn cây dành riêng cho trẻ chăm sóc, bảo vệ và tạo cơ hội cho trẻ khám phá, học tập.*

*c) Khu vực trẻ chơi có đủ thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo quy định; có rào chắn an toàn ngăn cách với ao, hồ (nếu có).*

*Mức 3:*

*Sân vườn có khu vực riêng để thực hiện các hoạt động giáo dục phát triển vận động, có đủ các loại thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo Danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và có bổ sung thiết bị đồ chơi ngoài Danh mục phù hợp với thực tế, đảm bảo an toàn cho trẻ.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Trường mầm non Bé Ngoan nằm tại khu vực Thị trấn Hóc Môn, được xây dựng kiên cố, với tổng diện tích xây dựng là: 4.502.4 m2 [H3-3.1-01]

b) Xung quanh trường có tường rào bê tông bao chắn đảm bảo an toàn cho trẻ, có bảng tên trường đặt ở phía trước có ghi tên, địa chỉ của trường tạo cảnh quan môi trường thân thiện và an toàn cho trẻ [H3-3.1-02].

c) Nhà trường có sân chơi tổng diện tích sân chơi là 1.438,19 m2, có trồng cây xanh tạo bóng mát. Sân trường có trang bị nhiều loại đồ chơi ngoài trời phù hợp với lứa tuổi trẻ, bố trí hợp lý giúp trẻ hứng thú khi tham gia họat động

[H3-3.1-03].

Mức 2:

a) Trường được thành lập theo Quyết định số 205/QĐ-UB ngày 03 tháng 7 năm 2001 của Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn các công trình của trường được xây dựng trên diện tích sử dụng 4.502.4 m2 [H3-3.1-01], diện tích sân vườn 940,7m2 đáp ứng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 5 Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 5 năm 2020 [H1-1.6-05].

b) Khuôn viên có tường bao ngăn cách với bên ngoài, sân chơi 1.438,19 m2 đủ diện tích cho trẻ chơi, khu vực sân chơi được bố trí phù hợp, có ánh nắng tự nhiên tuy nhiên trường mới xây diện tích cây xanh chưa phủ tạo bóng mát sân trường cho trẻ chơi, cây xanh thường xuyên được chăm sóc, cắt tỉa, có trồng một số loại rau cho trẻ quan sát, tạo cơ hội cho trẻ khám phá, học tập [H3-3.1-02].

c) Khu vực sân chơi có một số thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo quy định [H3-3.1-03].

Mức 3:

Sân vườn có bố trí các khu vực để trẻ thực hiện các hoạt động giáo dục phát triển vận động, có đủ các loại thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo Danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành: cầu trượt liên hoàn, thuyền rồng, thang leo thể dục, bộ dụng cụ thể thao ngoài trời, cầu tuột xoắn ốc...[H3-3.1-03]; hằng ngày, hiệu trưởng và phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục thường xuyên kiểm tra, sửa chữa, các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi ngoài trời trong và ngoài danh mục hư hỏng, có kế hoạch bổ sung những đồ chơi mới cho phù hợp với thực tế để tăng cường cho trẻ vận động và đảm bảo an toàn cho trẻ [H3-3.1-04].

**2. Điểm mạnh**

Trường có tường rào bao chắn đảm bảo an toàn cho trẻ, các lớp học được nâng cấp hằng năm để đảm bảo an toàn cho trẻ

**3. Điểm yếu**

Diện tích cây xanh chưa phủ tạo bóng mát sân trường cho trẻ chơi

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2021-2022 và những năm tiếp theo hiệu trưởng tiếp tục hợp đồng với công ty chăm sóc cây xanh, để tạo cảnh quan môi trường mát mẻ. Nhà trường sẽ sắp xếp tạo khu vực riêng để thực hiện các hoạt động giáo dục phát triển vận động.

**Tự đánh giá:**Đạt Mức 2.

**Tiêu chí 3.2. Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo và khối phòng phục vụ học tập**

*Mức 1:*

*a) Số phòng của các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo tương ứng với số nhóm lớp theo độ tuổi;*

*b) Có phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ (có thể dùng phòng sinh hoạt chung làm phòng ngủ đối với lớp mẫu giáo); có phòng để tổ chức hoạt động giáo dục thể chất, giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng, đảm bảo đáp ứng được nhu cầu tối thiểu hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ;*

*c) Có hệ thống đèn, hệ thống quạt (ở nơi có điện); có tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học.*

*Mức 2:*

*a) Phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ, phòng giáo dục thể chất, phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng đảm bảo đạt chuẩn theo quy định*

*b) Hệ thống tủ, kệ, giá đựng đồ chơi, đồ dùng, tài liệu đảm bảo đủ theo quy định, được sắp xếp hợp lý, an toàn, thuận tiện khi sử dụng.*

*Mức 3:*

*Có phòng riêng để tổ chức cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, tin học và âm nhạc.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Trường có 15 phòng học, trong đó có 04 phòng nhóm nhà trẻ và 11 phòng lớp mẫu giáo [H3-3.2-01].

b) Trường có 15 phòng sinh hoạt chung là nơi tổ chức các hoạt động vui chơi, học tập, ăn, ngủ cho trẻ đáp ứng được nhu cầu tổ chức các hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ em trong nhà trường [H3-3.2-01]. Trường có 01 phòng nghệ thuật và 01 phòng thể chất được xây dựng theo tiêu chuẩn Điều lệ trường mầm non [H3-3.2-01].

c) Phòng có đủ ánh sáng, đủ hệ thống đèn quạt, tủ đựng hồ sơ và thiết bị dạy học theo quy định [H3-3.2-01].

Mức 2:

a) Phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ, phòng giáo dục nghệ thuật được xây mới đạt chuẩn theo quy định [H3-3.2-01]. Tuy nhiên phòng giáo dục thể chất, phòng giáo dục nghệ thuật chưa được lát sàn gỗ.

b) Trong phòng có tủ, kệ, giá đựng đồ chơi, đồ dùng, tài liệu đủ theo quy định, được sắp xếp hợp lý, an toàn, thuận tiện khi sử dụng [H3-3.2-01].

Mức 3:

Trường không có phòng riêng để tổ chức cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, tin học.

**2. Điểm mạnh**

Có đủ các phòng học, phòng chức năng cho trẻ được xây dựng kiên cố và sắp xếp đồ dùng, ngăn nắp gọn gàng.

**3. Điểm yếu**

Trường không có phòng riêng để tổ chức cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, tin học. Phòng giáo dục thể chất, phòng giáo dục nghệ thuật chưa được lát sàn gỗ

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2021-2022 và những năm tiếp theo hiệu trưởng tham mưu với Ủy ban nhân dân huyện, Phòng Tài chính – Kế hoạch cải tạo phòng cho trẻ học ngoại ngữ, tin học, lát sàn gỗ phòng giáo dục thể chất, phòng giáo dục nghệ thuật để đảm bảo an toàn khi sử dụng.

**5. Tự đánh giá:**Đạt Mức 2.

**Tiêu chí 3.3. Khối phòng hành chính - quản trị**

*Mức 1:*

*a) Có các loại phòng theo quy định;*

*b) Có trang thiết bị tối thiểu tại các phòng;*

*c) Khu để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được bố trí hợp lý đảm bảo an toàn, trật tự.*

*Mức 2:*

*a) Đảm bảo diện tích theo quy định;*

*b) Khu để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên có mái che đảm bảo 1an toàn, tiện lợi.*

*Mức 3:*

*Có đủ các phòng, đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Trường mầm Non Bé Ngoan có khối phòng hành chính - quản trị của trường gồm có: 01 phòng hiệu trưởng; 02 phòng phó hiệu trưởng, 01 phòng hành chính - quản trị 01 văn phòng; 01 phòng y tế; 01 phòng dành cho nhân viên; 02 phòng vệ sinh cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên tại trường [H3-3.3-01].; 02 khu vực để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên [H3-3.3-02].

b) Phòng hành chính - quản trị, phòng hiệu trưởng có đầy đủ phương tiện làm việc gồm: Bàn làm việc, ghế ngồi, máy vi tính và máy in, hệ thống đèn, quạt,...; phòng y tế có trang bị bàn nhận thuốc, giường chăm sóc trẻ mệt, tủ thuốc, cân và thước đo, máy vi tính, máy in, có tranh ảnh tuyên truyền chăm sóc sức khỏe, phòng bệnh cho trẻ; phòng dành cho nhân viên có máy vi tính, máy in và tủ đựng đồ dùng cá nhân cho nhân viên; khu vệ sinh cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được lắp đặt hệ thống nước sinh hoạt và trang bị đầy đủ dụng cụ vệ sinh [H1-1.6-04]; [H3-3.3-01].

c) Trường có 02 nơi để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đủ chỗ để xe cho cán bộ, giáo viên, nhân viên đảm bảo đủ nơi để xe, trật tự [H3-3.3-02].

Mức 2:

a) Văn phòng và phòng hành chánh quản trị có diện tích đạt tiêu chuẩn theo quy định tại Điều lệ trường mầm non [H3-3.3-01].

b) Khu để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên có mái che đảm bảo an toàn tiện lợi [H3-3.3-02].

Mức 3:

Trường chưa có đủ các phòng, đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non.

**2. Điểm mạnh**

Trường có đầy đủ các phòng theo quy định, đảm bảo diện tích theo tiêu chuẩn, có đủ đồ dùng làm việc và sắp xếp ngăn nắp gọn gàng. Có nhà để xe cho cán bộ giáo viên và nhân viên.

**3. Điểm yếu**

Trường chưa có đủ các phòng, đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non**.**

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm 2021-2022 và những năm tiếp theo hiệu trưởng tham mưu với Ủy ban nhân dân huyện, Phòng Tài chính – Kế hoạch và Phòng Giáo dục – Đào tạo có hướng cải tạo, nâng cấp các phòng, đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non.

**5. Tự đánh giá:**Đạt Mức 2.

**Tiêu chí 3.4. Khối phòng tổ chức ăn**

*Mức 1:*

*a) Bếp ăn được xây dựng kiên cố hoặc bán kiên cố;*

*b) Kho thực phẩm được phân chia thành khu vực để các loại thực phẩm riêng biệt, đảm bảo các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm;*

*c) Trường có 1 tủ lưu mẫu thức ăn.*

*Mức 2:*

*Bếp ăn đảm bảo theo quy định tại Điều lệ trường mầm non.*

*Mức 3:*

*Bếp ăn đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Trường có một bếp ăn diện tích 208m2, được sắp xếp theo quy trình bếp một chiều được xây dựng kiên cố có đủ các phương tiện phục vụ nấu ăn, với các máy móc thiết bị hiện đại như: tủ hấp cơm, máy xay thịt, máy cắt xắt [H3-3.4-01].

b) Trường có một kho chứa gạo và thực phẩm dùng hằng ngày, đảm bảo vệ sinh an toàn thực hiện đúng các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm, có ghi bảng tồn kho theo quy định [H3-3.4-02].

c) Trường có 01 tủ lưu mẫu thức ăn chỉ dành riêng lưu mẫu để nhiệt độ đúng quy định [H3-3.4-01].

Mức 2:

Bếp ăn đủ diện tích, được sắp xếp theo quy trình vận hành bếp 01 chiều từ khu tiếp phẩm, khu sơ chế, khu rửa, khu xắt thái, khu chế biến, khu chia thức ăn

[H3-3.4-01]. Có đầy đủ đồ dùng bằng inox như: tủ hấp cơm, máy xay thịt, máy xay sinh tố, sắp xếp ngăn nắp, thuận tiện [H3-3.4-03]. Có hệ thống hút khói

[H3-3.4-01]. Tuy nhiên nơi rửa chén còn chật hẹp chưa đủ chỗ cho cấp dưỡng rửa xe đựng thức ăn.

Mức 3:

Bếp ăn chưa đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non. Bếp còn đặt riêng biệt chưa thuận tiện cho việc vận chuyển thức ăn hằng ngày.

**2. Điểm mạnh**

Bếp ăn được trang bị đủ đồ dùng, tạo điệu kiện thuận lợi cho nhân viên khi thực hiện công việc hằng ngày và có kho lưu trữ, tủ lưu thực phẩm riêng biệt đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.

**3. Điểm yếu**

Nơi rửa chén còn chật hẹp chưa đủ chỗ cho cấp dưỡng rửa xe đựng thức ăn. Bếp còn đặt riêng biệt chưa thuận tiện cho việc vận chuyển thức ăn hằng ngày, chưa đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2021-2022 và những năm tiếp theo hiệu trưởng tham mưu với Ủy ban nhân dân huyện, Phòng Tài chính – Kế hoạch và Phòng Giáo dục – Đào tạo có hướng cải tạo, nâng cấp nơi rửa chén, dời khu bếp ăn tập trung về một điểm.

**5. Tự đánh giá:**Đạt Mức 2.

**Tiêu chí 3.5. Thiết bị, đồ dùng, đồ chơi**

*Mức 1:*

*a) Có các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ;*

*b) Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm hoặc ngoài danh mục quy định phải đảm bảo tính giáo dục, an toàn, phù hợp với trẻ;*

*c) Hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.*

*Mức 2:*

*a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý hoạt động dạy học;*

*b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định;*

*c) Hằng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm.*

*Mức 3:*

*Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm hoặc ngoài danh mục quy định được khai thác và sử dụng hiệu quả, đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Nhà trường có trang bị đồ dùng, đồ chơi cho các lớp đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H3-3.5-01].

b) Các loại đồ dùng đồ chơi ngoài danh mục do giáo viên tự làm, phụ huynh hỗ trợ hoặc ngoài danh mục quy định đều đảm bảo tính giáo dục và đảm bảo an toàn cho trẻ [H3-3.05-01]. Tuy nhiên đồ dùng, đồ chơi tự làm bằng nguyên vật liệu thải bỏ có độ bền chưa cao mau hư hỏng và sử dụng không nhiều lần.

c) Nhà trường thường xuyên kiểm tra việc sử dụng, bảo quản, phát hiện kịp thời những thiết bị đồ dùng, đồ chơi hư hỏng để sửa chữa và nâng cấp phục vụ cho nhu cầu hoạt động của cô và trẻ [H3-3.05-02].

Mức 2:

a) Trường trang bị hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học, mỗi phòng ban đều có máy tính kết nối mạng, sử dụng các phần mềm như: phần mềm Imas, EPmis, Mind Manger 8.0, phần mềm quản lý tài sản [H3.3.5-03]. Các lớp sử dụng máy tính cho trẻ học tập các trò chơi Kidmas [H3-3.2-02].

b) Nhà trường có thiết bị dạy học đồ chơi, đồ dùng cá nhân theo quy định, sử dụng hiệu quả trong công tác dạy và học tại Điều lệ trường mầm non [H3-3.5-01]

c) Hằng năm, trường có kế hoạch bổ sung, thay thế, nâng cấp thiết bị, đồ dùng, đồ chơi ngoài danh mục thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non quy định tại văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 23 tháng 03 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo để cho phù hợp như: các loại đồ chơi lắp ráp, các khối và các đồ chơi tự tạo bằng nguyên vật liệu mở, đồ chơi âm nhạc nhằm phục vụ tốt công tác chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ [H1-1.6-04].

Mức 3:

Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm hoặc ngoài danh mục quy định được sử dụng hiệu quả, đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ [H3.3.5-01].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường trang bị đầy đủ đồ dùng, đồ chơi theo quy định và có kiểm tra phát hiện hư hỏng để sửa chữa kịp thời, có kế hoạch mua sắm, bổ sung trang thiết bị, đồ dùng đồ chơi.

**3. Điểm yếu**

Tuy có trang bị đồ dùng đồ chơi tự làm nhưng đồ dùng tự làm mau hư hỏng và sử dụng không nhiều lần

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm 2021- 2022 và những năm tiếp theo, ban giám hiệu xây dựng kế hoạch huy động các nguồn lực để trang bị thêm đồ dùng, đồ chơi, đầu tư hướng dẫn giáo viên làm đồ dùng đồ chơi đạt chất lượng đạt hiệu quả lâu bền.

**5.** **Tự đánh giá:**Đạt Mức 3.

**Tiêu chí 3.6. Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước**

*Mức 1:*

*a) Phòng vệ sinh cho trẻ, khu vệ sinh cho cán bộ quản lý, giáo viên nhân viên đảm bảo không ô nhiễm môi trường; phòng vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho trẻ khuyết tật;*

*b) Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và trẻ;*

*c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.*

*Mức 2:*

*a) Phòng vệ sinh cho trẻ, khu vệ sinh cho cán bộ quản lý, giáo viên nhân viên thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định;*

*b) Hệ thống cung cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Trường mầm non Bé Ngoan có tổng số 15 phòng học, đều có nhà vệ sinh riêng, 01 nhà vệ sinh cho giáo viên, nhân viên, 02 nhà vệ sinh riêng cho nam và nữ. Nhà vệ sinh có bồn rửa tay cho trẻ, nhà vệ sinh trẻ có vách ngăn. Tất cả phòng vệ sinh đảm bảo vệ sinh sạch sẽ. Phòng vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho trẻ khuyết tật [H3.3.6-01].

b) Hệ thống nước thải được lưu dẫn ra cống thoát đảm bảo vệ sinh

[H3.3.5-03]. Sử dụng nguồn nước sạch để chế biến thức ăn và uống, các trẻ được uống nước đóng bình đã qua kiểm định đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, nguồn nước được xét nghiệm vi sinh, lý hóa mỗi năm đều đạt tiêu chuẩn [H1.1.10-01].

c) Trường thực hiện ký hợp đồng thu gom rác với công ty Bảo Tín thu gom rác và xử lý chất thải hằng ngày đảm bảo vệ sinh môi trường không có rác thải, nước thải tồn đọng, trường có thùng đựng và phân loại rác thải, các lớp đều có thùng rác tại lớp, các lớp xử lý rác thải hằng ngày [H3.3.6-02]. Tuy nhiên nhà trường chưa hợp đồng thu gom và xử lý chất thải nguy hại.

Mức 2:

a) Phòng vệ sinh cho trẻ, khu vệ sinh cho cán bộ quản lý, giáo viên nhân viên thuận tiện cho việc sử dụng hằng ngày [H3.3.2-01].

b) Hệ thống cung cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục [H3.3.6-01].

**2. Điểm mạnh**

Trường có hệ thống nước sạch, đảm bảo nguồn nước phục vụ cho mọi sinh hoạt trong nhà trường; hệ thống cống rãnh hợp vệ sinh, nhà vệ sinh riêng, đảm bảo khô ráo sạch sẽ.

**3. Điểm yếu**

Nhà trường chưa hợp đồng thu gom và xử lý chất thải nguy hại.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2021-2022 và những năm tiếp theo hiệu trưởng chỉ đạo y tế phối hợp với công ty xử lý rác, tìm nơi hợp đồng để xử lý rác độc hại.

**Tự đánh giá:** Đạt Mức 2.

**Kết luận về Tiêu chuẩn 3:**

**Điểm mạnh nổi bật:**

Trường được bao bọc vòng rào bằng bê tông, có trồng cây xanh tạo cảnh quan môi trường, có đủ số phòng cho trẻ hoạt động, có trang bị các thiêt bị, đồ dùng, đồ chơi đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ nuôi dưỡng, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ, có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường, đảm bảo đủ nước sạch, nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và trẻ. Nhà trường trang bị đầy đủ đồ dùng nhà bếp phục vụ trẻ ăn bán trú, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, có tủ lạnh lưu mẫu thức ăn, kho thực phẩm sữa sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp và thuận tiện cho việc sử dụng.

**Điểm yếu cơ bản:**

Một số bồn vệ sinh của nhóm nhà trẻ còn cao so với trẻ, việc xử lý rác thải nguy hại chưa được hợp đồng và xử lý theo quy trình.

**- Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu:** 06/06.

**- Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu:** 00

**Tiêu chuẩn 4. Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội**

**Mở đầu:** nhà trường có Ban đại diện cha mẹ học sinh hoạt động theo đúng quy định, phối hợp tốt với nhà trường trong việc thực hiện nhiệm vụ chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ. Ban Đại diện cha mẹ học sinh xây dựng kế hoạch hoạt động phù hợp với hoạt động của trường. Hằng năm, trường luôn chủ động tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương và các ban ngành đoàn thể, cá nhân ở địa phương nhằm huy động các nguồn lực để xây dựng nhà trường ngày càng khang trang, sạch đẹp, tạo môi trường giáo dục tốt, từng bước nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ.

**Tiêu chí 4.1. Ban đại diện cha mẹ trẻ**

*Mức 1:*

*a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;*

*b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;*

*c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.*

*Mức 2:*

*Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ trẻ.*

*Mức 3:*

*Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Mỗi lớp có Ban đại diện cha mẹ học sinh được bầu tại Đại hội của lớp [H4-4.1-01]. Nhà trường có Ban đại diện cha mẹ học sinh hoạt động theo Quy định, Ban đại diện cha mẹ học sinh được bầu ra trong Đại hội cha mẹ học sinh đầu năm [H4-4.1-01].

b) Ban đại diện cha mẹ học sinh có đề ra kế hoạch hoạt động theo từng năm học [H4-4.1-01].

c) Hằng năm nhà trường có tổ chức họp phụ huynh theo định kỳ 01 năm 03 lần trao đổi với phụ huynh về tình hình sức khỏe và hoạt động của trẻ

[H4-4.1-01].

Mức 2:

Ban đại diện cha mẹ trẻ phối hợp hiệu quả với nhà trường trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học giúp nhà trường hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ nhiều năm liền như tài trợ: gắn máy lạnh, tài trợ máy in màu, máy phun sương, cây xanh, xe cho trẻ đi tham quan doanh trại bộ đội, đi tham quan trường tiểu học, quà khen thưởng trẻ cuối năm [H4-4.1-04]. Bên cạnh đó, Ban đại diện cha mẹ trẻ còn phối hợp với nhà trường hướng dẫn, phổ biến pháp luật, chủ trương, chính sách về giáo dục như: cách nuôi dạy con khỏe, chống bạo hành trẻ em, quyền trẻ em, thông qua các cuộc họp nhằm nâng cao trách nhiệm chăm sóc, bảo vệ, giáo dục trẻ đến tất cả phụ huynh trong trường [H4-4.1-01]. Tuy nhiên một số phụ huynh chưa đến dự họp đầu năm đầy đủ, phối hợp với giáo viên trong việc thực hiện chế độ ăn cho trẻ béo phì chưa phù hợp nên kết quả phòng chống béo phì chưa đạt hiệu quả như mong muốn [H4-4.1-02]; [H4-4.1-01].

Mức 3:

Ban đại diện cha mẹ trẻ em phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đàotạo ban hành [H4-4.1-04]; [H1-1.1-04].

1. **Điểm mạnh**

Nhà trường có thành lập Ban đại diện cha mẹ học sinh, có xây dựng kế hoạch và hoạt động theo quy định. Ban đại diện cha mẹ học sinh thường xuyên quan tâm và hỗ trợ nhiệt tình các hoạt động của trường, lớp.

**3. Điểm yếu**

Một số phụ huynh chưa đến dự họp đầu năm và dự chuyên đề nhà trường và phối hợp với giáo viên trong việc thực hiện chế độ ăn cho trẻ béo phì nên kết quả phòng chống béo phì chưa đạt hiệu quả như mong muốn.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2021-2022 ban giám hiệu chỉ đạo giáo viên tiếp tục làm tốt hơn nữa công tác tuyên truyền vận động phụ huynh đi họp đầy đủ, tổ chức thời gian địa điểm phù hợp để thuận lợi cho phụ huynh đến dự họp đầy đủ, tuyên truyền bằng nhiều hình thức như: bảng truyền thông, mời bác sỉ báo cáo chuyên đề, họp phụ huynh đầu năm, nhằm giúp cha mẹ trẻ thấy được tác hại của bệnh béo phì, phối hợp cùng giáo viên để làm tốt công tác phòng chống béo phì. Tổ chức thời gian địa điểm phù hợp để thuận lợi cho phụ huynh đến nghe báo cáo chuyên đề.

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 3.

**Tiêu chí 4.2. Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường.**

*Mức 1:*

*a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền địa phương để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;*

*b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;*

*c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.*

*Mức 2:*

*a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;*

*b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống của địa phương.*

*Mức 3:*

*Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Nhà trường tham mưu với Đảng ủy phường, chính quyền địa phương thực hiện các kế hoạch: công tác tuyển sinh đầu năm, thực hiện an ninh trật tự trường học, thực hiện an toàn giao thông, không để xảy ra ùn tắc giao thông ngay tại cổng trường nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ

[H1-1.5-01]; [H4-4.2-01]. Thông qua các buổi họp giao ban, bí thư chi bộ nhà trường báo cáo tình hình trường lớp những thuận lợi khó khăn của nhà trường trong công tác chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ. Phối hợp chặt chẽ với y tế Thị trấn để có chính sách phù hợp nhằm nâng cao chất lượng giáo dục trẻ như: cho trẻ uống Vitamin A, khám sức khỏe, phòng chống dịch bệnh cho trẻ trong trường mầm non [H1-1.10-01];

b) Nhà trường phối hợp tốt với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân và cha mẹ trẻ để tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường qua các cuộc họp cha mẹ trẻ đầu năm [H4-4.1-01]. Thường xuyên liên hệ chặt chẽ với chính quyền địa phương không để tình trạng mua bán lấn chiếm cổng trường gây ùn tắc giao thông trước cổng trường, đảm bảo an ninh, an toàn trong trường [H4-4.2-01].

c) Nhà trường huy động các nguồn hợp pháp tự phụ huynh trẻ để chăm lo cho trẻ [H4-4.1-04].

Mức 2:

a) Hằng năm, nhà trường phối hợp với chính quyền địa phương và Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn thực hiện hồ sơ giảm học phí cho trẻ thuộc hộ nghèo, cận nghèo, trẻ thuộc dân tộc Khơ-me theo quy định Nhà nước tạo điều kiện giúp các trẻ tiếp tục đến trường [H1.1.6-04], hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non [H4.4.2-01]. Tham mưu với Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn trang bị bổ sung cơ sở vật chất xây dựng trường chuẩn quốc gia Mức độ 1, xây dựng Đơn vị văn hoá, trường học an toàn, an ninh, trật tự phục vụ tốt công tác chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ tại đơn vị [H4-4.2-01], tạo điều kiện cho nhà trường từng bước thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển [H1.1.1-01].

b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch nhà trường đã xây dựng, phù hợp với truyền thống của địa phương [H4-4.2-03].

Mức 3:

Nhà trường chưa xây dựng được kế hoạch tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường tham mưu với chính quyền địa phương, phối hợp với các đoàn thể để thực hiệc tốt công tác chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ và đảm bảo an toàn cho trẻ.

**3. Điểm yếu**

Chưa cùng cấp ủy Đảng xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2021-2022 Hiệu trưởng tiếp tục tham mưu với Ủy ban Thị Trấn, phối hợp với quản lý thị trường ngăn chặn việc bán hàng rong trước cổng trường. Từng bước xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 2.

**Kết luận về tiêu chuẩn 4:**

**Điểm mạnh nổi bật**:

Nhà trường đã xây dựng được mối quan hệ tích cực, hiệu quả giữa các lực lượng giáo dục, các tổ chức đoàn thể, nhân dân địa phương, đặc biệt là tạo được mối quan hệ gắn bó chặt chẽ với Ban đại diện cha mẹ học sinh. Thực hiện phối hợp tốt giữa “Nhà trường – Gia đình – Xã hội” trong hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ.

**Điểm yếu cơ bản:**

Chưa xây dựng kế hoạch tham mưu, chưa cùng cấp ủy Đảng xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

 **- Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 02/02**

 **- Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00**

**Tiêu chuẩn 5. Hoạt động và kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ**

**Mở đầu:**

Trẻ mầm non được chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục tốt sẽ góp phần giúp trẻ phát triển nhân cách tốt. Chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ ở trường mầm non sẽ là nền tảng vững chắc cho các bậc học tiếp theo. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ, tập thể cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên nhà trường đã nêu cao tinh thần trách nhiệm, nuôi dạy trẻ đạt những kết quả mong muốn, trẻ ngoan ngoãn, lễ phép, hồn nhiên, mạnh dạn, tự tin, khỏe mạnh, thích tìm hiểu, khám phá thế giới xung quanh, có ý thức trong việc giữ vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường, biết tự phục vụ và làm một số việc vừa sức…Đó không chỉ là niềm vui của tập thể cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên nhà trường mà còn là sự mong đợi của cha mẹ trẻ. Chính vì vậy, việc nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ, giúp trẻ phát triển toàn diện luôn là mục tiêu cơ bản mà tập thể cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trường mầm non Bé Ngoan hướng đến. Nhà trường luôn quan tâm tạo điều kiện cho trẻ được khám phá, tham gia vào các hoạt động để giúp trẻ phát triển hài hòa các lĩnh vực về thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, thẩm mỹ, tình cảm và kỹ năng xã hội theo mục tiêu của Chương trình giáo dục mầm non.

**Tiêu chí 5.1. Thực hiện Chương trình giáo dục mầm non**

*Mức 1:*

*a) Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo kế hoạch;*

*b) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành phù hợp quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục, với điều kiện nhà trường;*

*c) Định kỳ rà soát, đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non và có điều chỉnh kịp thời, phù hợp.*

*Mức 2:*

*a) Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non đảm bảo chất lượng;*

*b) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, phù hợp với văn hóa địa phương, đáp ứng khả năng và nhu cầu của trẻ.*

*Mức 3:*

*a) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trên cơ sở tham khảo chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới đúng quy định, hiệu quả, phù hợp với thực tiễn của nhà trường, địa phương.*

*b) Hằng năm, tổng kết, đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục của nhà trường, từ đó điều chỉnh, cải tiến nội dung, phương pháp giáo dục để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Nhà trường tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo kế hoạch từng năm học phù hợp với chỉ đạo của ngành, đặc điểm tình hình của từng nhóm lớp và được Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn phê duyệt [H1-1.1-03];

 [H1-1.4-03].

b) Giáo viên thực hiện chương trình giáo dục mầm non theo kế hoạch đề ra tùy tình hình nhận thức của trẻ trong nhóm lớp và cơ sở vật chất trong nhà trường. Các lớp thực hiện kế hoạch đầy đủ trên phần mềm Mindjet Mind Manager 8, kịp thời cập nhật theo năm, tháng, tuần và giáo án cụ thể chuẩn bị cho việc tổ chức các hoạt động cho trẻ [H1-1.8-01].

c) Mỗi tháng, cán bộ quản lý nhà trường kiểm tra, nhận xét, đánh giá kế hoạch giáo dục của giáo viên để kịp thời rà soát, điều chỉnh kế hoạch phù hợp mang lại hiệu quả chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ [H1-1.6-02]; [H1-1.8-02];

[H1-1.8-03]. Tuy nhiên, trong sinh hoạt chuyên môn giáo viên chưa đóng góp thảo luận nhiều, sổ chuyên môn ghi chép góp ý chưa đầy đủ, góp ý chưa sâu.

Mức 2:

a) Đa số giáo viên thực hiện chương trình giáo dục mầm non thực hiện theo kế hoạch giảng dạy các tiết hoạt động đạt từ khá trở lên, chương trình giáo dục phù hợp từng lứa tuổi [H1-1.8-02]

b) Nội dung phát triển các lĩnh vực của trẻ, các hình thức giáo dục đa dạng 100% trẻ được đánh giá cuối năm. [H1-1.8-02]; [H1-1.8-03].

Mức 3

a) Nhà trường chưa đủ điều kiện phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trên cơ sở tham khảo chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới đúng quy định, hiệu quả, phù hợp với thực tiễn của trường, địa phương.

b) Hằng năm nhà trường tổng kết, đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục nhằm kịp thời điều chỉnh, cải tiến nội dung, phương pháp giáo dục để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ [H1-1.1-04].

**2. Điểm mạnh**

Giáo viên thực hiện chương trình giáo dục mầm non theo kế hoạch đề ra tùy theo độ tuổi.

**3. Điểm yếu**

Sinh hoạt chuyên môn giáo viên chưa đóng góp thảo luận nhiều, sổ chuyên môn ghi chép góp ý chưa đầy đủ.

Nhà trường chưa đủ điều kiện phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trên cơ sở tham khảo chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới đúng quy định, hiệu quả, phù hợp với thực tiễn của trường, địa phương.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2021-2022 và những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục thực hiện tốt và phát triển Chương trình giáo dục mầm non. Từng bước tiếp cận các phương pháp đổi mới giáo dục theo hướng hiện đại. Nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên trong công tác thực hiện hiệu quả chương trình: phó hiệu trưởng và khối trưởng xây dựng kế hoạch hỗ trợ, bồi dưỡng giáo viên mới lập kế hoạch Chương trình giáo dục mầm non phù hợp với thực tiễn của nhà trường và địa phương. Tạo điều kiện cho giáo viên tham gia các lớp bồi dưỡng chuyên môn, tham dự các chuyên đề, các tiết thao giảng do huyện và trường tổ chức

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 2.

**Tiêu chí 5.2. Tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ**

*Mức 1:*

*a) Thực hiện linh hoạt các phương pháp, đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp với trẻ mầm non và điều kiện nhà trường;*

*b) Tổ chức môi trường giáo dục theo hướng tạo điều kiện cho trẻ được vui chơi, trải nghiệm;*

*c) Tổ chức các hoạt động giáo dục bằng nhiều hình thức đa dạng phù hợp với độ tuổi của trẻ và điều kiện thực tế.*

*Mức 2:*

*Tổ chức các hoạt động thực hành, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh phù hợp với nhu cầu, hứng thú của trẻ và điều kiện thực tế.*

*Mức 3:*

*Tổ chức môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ, kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm theo phương châm “chơi mà học, học bằng chơi”.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Giáo viên thực hiện linh hoạt các phương pháp, đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp với trẻ mầm non và điều kiện nhà trường

[H1-1.8-01].

b) Tổ chức môi trường giáo dục lấy trẻ làm trung tâm giúp trẻ trải nghiệm, hứng thú tham gia hoạt động phù hợp với đặc điểm của từng lứa tuổi [H3-3.2-02].

c) Nhà trường thường xuyên tổ chức các hoạt động giáo dục bằng nhiều hình thức đa dạng phù hợp với độ tuổi của trẻ và điều kiện thực tế như: hoạt động ngoại khóa để trẻ được khám phá thế giới xung quanh;các hoạt động lễ hội: Bé vui đến trường; Bé vui Trung thu; Chào mừng ngày phụ nữ Việt Nam 20/10; Bé chào mừng ngày 20/11; Bé vui Noel; Xuân yêu thương; Bé chào mừng ngày 8 tháng 3; lễ tổng kết năm học và lễ ra trường cho trẻ 5 tuổi [H4-4.2-02].

Mức 2

Nhà trường tổ chức các hoạt động thực hành, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh phù hợp với nhu cầu, hứng thú của trẻ và điều kiện thực tế của nhà trường, các lớp bố trí góc khoa học với nguyên vật liệu phong phú để trẻ thí nghiệm theo nhu cầu, giáo viên tạo điều kiện cho trẻ quan sát, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh khi tổ chức hoạt động dạy học, hoạt động ngoài trời [H5-5.2-01]; [H3-3.2-02]. Tuy nhiên một số giáo viên mới còn đưa ra mục đích yêu cầu nhiều nội dung cùng một lúc.

Mức 3

Giáo viên soạn kế hoạch phù hợp độ tuổi phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ, kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm theo phương châm “chơi mà học, học bằng chơi”, trang bị các góc chơi, đủ đồ dùng, đồ chơi, mảng tường của lớp có các trò chơi cho trẻ hoạt động tận dụng các khoản trống của sân cho trẻ tham gia hoạt động, tổ chức các trò chơi vận động, dân gian [H3-3.1-03]; [H3-3.2-02]; [H5-5.2-01].

**2. Điểm mạnh**

Giáo viên linh hoạt tổ chức môi trường giáo dục theo hướng tạo điều kiện cho trẻ được vui chơi, trải nghiệm và nhiều hình thức đa dạng phù hợp với độ tuổi của trẻ và điều kiện thực tế của từng nhóm, lớp. Tổ chức môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ, kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi.

**3. Điểm yếu**

Một số giáo viên mới còn đưa ra mục đích yêu cầu nhiều nội dung cùng một lúc.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2021-2022 và những năm tiếp theo hiệu trưởng chỉ đạo phó hiệu trưởng, tổ trưởng có kế hoạch giúp đỡ giáo viên mới trong việc soạn giảng kế hoạch giáo dục.

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 3.

**Tiêu chí 5.3. Kết quả nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe**

*Mức 1:*

*a) Nhà trường phối hợp với cơ sở y tế địa phương tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ;*

*b) 100% trẻ được kiểm tra sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định;*

*c) Ít nhất 80% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học.*

*Mức 2:*

*a) Nhà trường tổ chức tư vấn cho cha mẹ trẻ hoặc người giám hộ về các vấn đề liên quan đến sức khỏe, phát triển thể chất và tinh thần của trẻ;*

*b) Chế độ dinh dưỡng của trẻ tại trường được đảm bảo cân đối, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, đảm bảo theo quy định;*

*c) 100% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học.*

*Mức 3:*

*Có ít nhất 95% trẻ em khỏe mạnh, chiều cao, cân nặng phát triển bình thường.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Ngay từ đầu năm học, nhà trường phối hợp bệnh viện Đa khoa khu vực Hóc Môn tổ chức khám sức khỏe phân loại tình trạng sức khỏe cho bé, ngoài ra, nhà trường còn phối hợp chặt chẽ với trạm y tế Thị trấn chăm lo sức khỏe cho bé như tiêm ngừa vắc-xin sởi, phòng chống dịch bệnh sốt xuất huyết, tay chân miệng chăm sóc sức khỏe ban đầu cho trẻ [H1-1.10-01].

b) Đầu năm học 2020-2021: 449/449 đạt 100% trẻ được khám sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định [H1-1.10-01].

c) Trẻ em suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được theo dõi cân đo hằng tháng và thực hiện ăn theo chế đọ, tăng cường vận động để cải thiện tình trạng dinh dưỡng [H1-1.10-01]; [H1-1.6-05].

Mức 2:

a) Nhà trường tổ chức tư vấn cho cha mẹ trẻ hoặc người giám hộ về các vấn đề liên quan đến sức khỏe, phát triển thể chất và tinh thần của trẻ trong công tác phòng chống suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì cho trẻ như: tư vấn chế độ dinh dưỡng hợp lý dành cho trẻ đến phụ huynh; tuyên truyền kiến thức khoa học về tác hại, nguyên nhân dẫn đến tình trạng thừa cân, béo phì [H4-4.1-02]; [H4-4.1-01].

b) Chế độ dinh dưỡng của trẻ em tại trường được đảm bảo cân đối, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi, thực đơn được xây dựng đa dạng, phong phú, theo ngày, theo tuần, theo mùa, thực đơn trong tuần không trùng lấp nhau, ngoài ra trẻ còn được uống sữa, ăn phomai, trứng hằng ngày [H1-1.6-05].

c) Hằng năm, nhà trường có xây dựng kế hoạch, phương án phòng, chống trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì; thông qua kết quả đánh giá tình trạng dinh dưỡng của trẻ đầu năm học, học kỳ 1, học kỳ 2: 100% trẻ suy dinh dưỡng, trẻ thừa cân béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp [H1-1.6-05],

[H1-1.10-01]. Từ năm học 2019-2020 đến thời điểm báo cáo, nhà trường có thực hiện hồ sơ “Sữa học đường” để tăng cường dinh dưỡng, sức khỏe cho trẻ theo chỉ đạo của cấp trên, qua thời gian thực hiện, một số trẻ có thay đổi tích cực về cân nặng và chiều cao so với ban đầu [H5-5.3-01]; [H1-1.6-05]. Trẻ suy dinh dưỡng mãn vẫn còn, không giảm được 100% đến cuối năm

Mức 3:

Tính đến thời điểm đánh giá có 392/499 tỉ lệ 87.4 % trẻ em khỏe mạnh, chiều cao, cân nặng phát triển bình thường, chưa đạt 95% [H1-1.10-01].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường thực hiện tốt công tác phối hợp với y tế địa phương chăm lo sức khỏe cho các cháu, trẻ được theo dõi sức khỏe thường xuyên và được thực hiện đảm bảo calo hàng ngày, tình trạng dinh dưỡng được cải thiện.

**3. Điểm yếu**

Trẻ suy dinh dưỡng mãn vẫn còn, không giảm được 100% đến cuối năm. Tỷ lệ trẻ khỏe mạnh, chiều cao, cân nặng phát triển bình thường chưa đạt 95% trở lên. Tỷ lệ trẻ béo phì còn cao**.**

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2021-2022 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng chỉ đạo phó hiệu trưởng tiếp tục bồi dưỡng cho giáo viên, thường xuyên cập nhật kiến thức chăm sóc, nuôi dưỡng nâng cao tỉ lệ phục hồi dinh dưỡng cho trẻ suy dinh dưỡng và duy trì các biện pháp hạn chế tốc độ tăng cân và bảo đảm sức khỏe cho trẻ thừa cân- béo phì. Tăng cường thêm các bài tập, trò chơi vận động cho trẻ thừa cân- béo phì phù hợp với độ tuổi. Tuyên truyền, vận động, phối hợp với phụ huynh trong chế độ dinh dưỡng và vận động tại nhà cho trẻ thừa cân - béo phì. Tuyên truyền tới phụ huynh bằng nhiều hình thức: Trao đổi qua bản tin trường, lớp, qua trao đổi trực tiếp, sổ bé ngoan, tờ rơi... để cha mẹ cùng phối hợp biện pháp chăm sóc trẻ thừa cân - béo phì, suy dinh dưỡng.

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 2.

**Tiêu chí 5.4. Kết quả giáo dục**

*Mức 1:*

*a) Tỷ lệ chuyên cần đạt ít nhất 90% đối với trẻ 5 tuổi, 85% đối với trẻ dưới 5 tuổi; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 85% đối với trẻ 5 tuổi, 80% đối với trẻ dưới 5 tuổi.*

*b) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 85%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 80%.*

*c) Trẻ khuyết tật học hòa nhập, trẻ có hoàn cảnh khó khăn được nhà trường quan tâm giáo dục theo kế hoạch giáo dục cá nhân.*

*Mức 2:*

*a) Tỷ lệ chuyên cần đạt ít nhất 95% đối với trẻ 5 tuổi, 90% đối với trẻ dưới 5 tuổi; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 90% đối với trẻ 5 tuổi, 85% đối với trẻ dưới 5 tuổi;*

*b) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 95%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 90%;*

*c) Trẻ khuyết tật học hòa nhập (nếu có) được đánh giá có tiến bộ đạt ít nhất 80%.*

*Mức 3:*

*a) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 97%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 95%.*

*b) Trẻ khuyết tật học hòa nhập (nếu có) được đánh giá có tiến bộ đạt ít nhất 85%.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Giáo viên thường xuyên vận động trẻ đi học đều cuối năm trẻ đạt tỷ lệ chuyên cần 85% đối với trẻ dưới 5 tuổi và 95% đối với trẻ 5 tuổi [H1-1.5-01]. Tuy nhiên trẻ nhà trẻ thường xuyên đi học trễ.

b) Trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt tỷ lệ 100%

[H4-4.2-05]

c) Năm 2018-2019; có 01 trẻ khuyết tật được giáo viên giáo dục theo kế hoạch giáo dục cá nhân [H1-1.5-02].

Mức 2:

a) Tỷ lệ chuyên cần trẻ 5 tuổi đạt 95% trở lên trẻ dưới 5 tuổi 90 %

[H1-1.5-01].

b) Trẻ 05 tuổi hoàn thành Chương trình Giáo dục mầm non đạt tỷ lệ 100% [H4-4.2-05].

c) Trẻ khuyết tật học hòa nhập năm 2018 được đánh giá có tiến bộ đạt ít nhất 80% [H1-1.5-02].

Mức 3:

a) Trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt tỷ lệ 100% [H4-4.2-05].

b) Năm 2018-2019 có trẻ khuyết tật ở lớp lá đã được đánh giá hoàn thành chương trình phổ cập giáo dục 5 tuổi, được đánh giá có tiến bộ đạt ít nhất 85% [H4-4.2-05].

**2. Điểm mạnh**

Trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt tỷ lệ 100%

**3. Điểm yếu**

Trẻ nhà trẻ còn hay đi học trễ.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2021-2022 và những năm tiếp theo trường hiệu trưởng chỉ đạo giáo viên tiếp tục tăng cường phối hợp vận động phụ huynh cho trẻ đi học thường xuyên, đúng giờ để đạt tỷ lệ chuyên cần cao hơn, đưa vào thi đua khen thưởng những lớp đạt tỷ lệ chuyên cần

**5. Tự đánh giá**: Đạt Mức 3.

**Kết luận tiêu chuẩn 5:**

**Điểm mạnh nổi bật:**

Trường thực hiện kế hoạch chăm sóc giáo dục có sự phối hợp nhịp nhàng giữa nuôi dưỡng và giáo dục giúp trẻ phát triển toàn diện. Có sự phối hợp giữa gia đình và nhà trường trong công tác chăm sóc giáo dục trẻ giúp trẻ, quan tâm chú ý đến trẻ khuyết tật, có tham gia làm đồ dùng đồ chơi cho trẻ khuyết tật được dự thi cấp huyện.

**Điểm yếu cơ bản:**

Số lượng trẻ dư cân, béo phì còn cao, giáo viên trẻ soạn kế hoạch còn đưa nhiều nội dung. Trẻ nhà trẻ còn hay đi học trễ nên tỷ lệ chuyên cần nhà trẻ chưa cao

**- Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 04/04**

**- Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00**

**PHẦN III**

**KẾT LUẬN CHUNG**

Qua quá trình thực hiện tự đánh giá của Trường mầm non Bé Ngoan đạt được kết quả như sau:

- Số lượng tiêu chí đạt Mức 1: 25/25 tỷ lệ 100%

- Số lượng tiêu chí không đạt Mức 1: 00/25 tỷ lệ 0%

- Số lượng các tiêu chí đạt Mức 2: 25/25 tỷ lệ 100 %

- Số lượng tiêu chí không đạt Mức 2: 00/25 tỷ lệ 0 %

- Số lượng tiêu chí đạt Mức 3: 5/19 tỷ lệ 26.3 %

- Số lượng tiêu chí không đạt Mức 3: 14/19 tỷ lệ 73.7%

- Mức đánh giá của Trường mầm non Bé Ngoan: Mức 2;

- Trường mầm non Bé Ngoan đề nghị đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 2 và đạt chuẩn quốc gia Mức độ 1.

Nhà trường kính mong được cơ quan chủ quản, cấp ủy chính quyền địa phương, các thành viên trong đoàn đánh giá ngoài đóng góp ý kiến để công tác tự đánh giá của trường ngày càng hoàn thiện và đạt chất lượng hơn./.

*Hóc Môn, ngày 03 tháng 01 năm 2021*

|  |  |
| --- | --- |
|   |  **HIỆU TRƯỞNG** *(đã ký)* **Nguyễn Thị Mỹ Lang**  |
|  |  |

PHẦN IV. PHỤ LỤC

Bảng danh mục mã minh chứng

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Số TT** | **Mã minh chứng** | **Tên minh chứng** | **Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát** | **Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện** | **Ghi chú****(nơi lưu trữ)** |
| **Tiêu chí 1.1** | 1 | [H1-1.1-01] | Hồ sơ phát triển xây dựng nhà trường (Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường. Biên bản họp xây dựng phát triển nhà trường. Danh sách thành viên tham dự buổi họp…). | Nhiệm kỳ 2017-2022 | Hiệu trưởng | Hiệu trưởng |
| 2 | [H1-1.1-02] | Nghị quyết Đại hội đảng bộ Thị trấn giai đoạn 2015-2020. | Năm 2015 đến năm 2020 | Ủy ban nhân dân TT | Văn thư |
| 3 | [H1-1.1-03] | Hồ sơ niêm yết chiến lượt phát triển nhà trường. kế hoạch chiến lượt trên cổng thông tin | Nhiệm kỳ 2017-2022 | Hiệu trưởng | Hiệu trưởng |
| 4 | [H1-1.1-04] | Kế hoạch năm học, báo cáo sơ kết tổng kết | Năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020 | Hiệu trưởng | Hiệu trưởng |
| 5 | [H1-1.1-05] | Hồ sơ Ban thanh tra nhân dân | Năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020 | Hiệu trưởng | Hiệu trưởng |
| 6 | [H1-1.1-06] | Biên bản họp điều chỉnh chiến lượt | Năm học 2015-2016đến năm học 2019-2020 | Hiệu trưởng | Văn thư |
| **Tiêu chí 1.2** | 1 | [H1-1.2-01] | QĐ thành lập Hội đồng trường, Hội đồng thi đua khen thưởng, Hội đồng sáng kiến kinh nghiệm | Năm học 2015-2016đến năm học 2019-2020 | Hiệu trưởng | Hiệu trưởng |
|  | 2 | [H1-1.2-02] | Biên bản họp HĐT, sổ họp thi đua  | Năm học 2015-2016đến năm học 2019-2020 | Hiệu trưởng | Hiệu trưởng |
|  | 3 | [H1-1.2-03] | Nghị quyết tháng, báo cáo sơ kết tổng kết | Năm học 2015-2016đến năm học 2019-2020 | Hiệu trưởng | Hiệu trưởng |
| **Tiêu chí 1.3** | 1 | [H1-1.3-01] | Hồ sơ công đoàn ( Quyết định chuẩn y Ban chấp hành công đoàn; nghị quyết công đoàn; hồ sơ tổ công đoàn, hồ sơ nữ công; hình ảnh cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên tham quan du lịch hè. | Năm học 2015-2016đến năm học 2019-2020 | Công đoàn Trường | Chủ tịch công đoàn |
| 2 | [H1-1.3-02] | Hồ sơ chi đoàn ( Quyết định chuẩn y Ban chấp hành chi đoàn; nghị quyết chi đoàn; kế hoạch hoạt động chi đoàn; biên bản họp chi đoàn) | Năm học 2015-2016đến năm học 2019-2020 | Chi đoàn  | Bí thư chi đoàn |
| 3 | [H1-1.3-03] | Hồ sơ Hội chữ thập đỏ ( Quyết định; kế hoạch hoạt động) | Năm học 2015-2016đến năm học 2019-2020 | Y tế | Y tế |
| 4 | [H1-1.3-04] | Hồ sơ khuyến học ( Quyết định; kế hoạch hoạt động) | Năm học 2015-2016đến năm học 2019-2020 | P hiệu trưởng | P hiệu trưởng |
| 5 | [H1-1.3-05] | Hình ảnh, giấy khen nhà trường, chi bộ, công đoàn, chi hội khuyến học, chữ thập đỏ | Năm học 2015-2016đến năm học 2019-2020 | Hiệu trưởng,Công đoàn | Hiệu trưởng, Công đoàn |
| 6 | [H1-1.3-06] | Hồ sơ chi bộ ( Quyết định chuẩn y Chi ủy, hình ảnh giấy khen | Năm học 2015-2016đến năm học 2019-2020 | Hiệu trưởng | Hiệu trưởng |
| **Tiêu chí 1.4** | 1 | [H1-1.4-01] | Hồ sơ cá nhân |  Năm 2019-2020 | Văn thư | Văn thư |
| 2 | [H1-1.4-02] | Quyết định tổ trưởng, tổ phó, phân công nhân sự | Năm học 2015-2016đến năm học 2019-2020 | Hiệu trưởng | Hiệu trưởng |
| 3 | [H1-1.4-03] | Kế hoạch năm học tổ chuyên môn  | Năm học 2015-2016đến năm học 2019-2020 | Tổ chuyên môn | Tổ trưởng |
| 4 | [H1-1.4-04] | Sổ họp tổ chuyên môn | Năm học 2015-2016đến năm học 2019-2020 | Tổ chuyên môn | Tổ trưởng |
| 5 | [H1-1.4-05] | Kế hoạch thực hiện chuyên đề, hình ảnh chuyên đề | Năm học 2015-2016đến năm học 2019-2020 | P HT chuyên môn | P hiệu trưởng chuyên môn |
| **Tiêu chí 1.5** | 1 | [H1-1.5-01] | Hồ sơ trẻ: sổ điểm danh – Lý lịch trích ngang | Năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020 | KTBTVăn thư | KTBTVăn thư |
| 2 | [H1-1.5-02] | Hồ sơ trẻ khuyết tật | Năm học 2015-2016đến năm học 2019-2020 | Hiệu trưởng | Hiệu trưởng |
|  | 1 | [H1-1.6-01] | Hồ sơ thi đua | Năm học 2015-2016đến năm học 2019-2020 | Hiệu trưởng | Hiệu trưởng |
| 2 | [H1-1.6-02] | Hồ sơ kiểm tra nội bộ | Năm học 2015-2016đến năm học 2019-2020 | Hiệu trưởng | Hiệu trưởng |
| 3 | [H1-1.6-03] | Sổ công văn đi, đến | Năm học 2015-2016đến năm học 2019-2020 | Văn thư | Văn thư |
| 4 | [H1-1.6-04] | Hồ sơ quản lý tài sản, tài chính, cơ sở vật chất. Hồ sơ kế toán | Năm học 2015-2016đến năm học 2019-2020 | Kế toán | Kế toán |
| 5 | [H1-1.6-05] | Hồ sơ quản lý bán trú | Năm học 2015-2016đến năm học 2019-2020 | Phó hiệu trưởng chăm sóc | Phó hiệu trưởng chăm sóc |
| 6 | [H1-1.6-06] | Quy chế chi tiêu nội bộ | Năm học 2015-2016đến năm học 2019-2020 | Hiệu trưởng | Hiệu trưởng |
|  | 7 | [H1-1.6-07] | Phần mềm quản lý tài sản, phần mềm kế toán | Năm học 2015-2016đến năm học 2019-2020 | Kế toán | ổ đĩa D |
| 8 | [H1-1.6-08] | Biên bản kiểm tra, kết luận  | Năm 2019-2020 | Kế toán | Hiệu trưởng |
| **Tiêu chí 1.7** | 1 | [H1-1.7-01] | Kế hoạch | Năm học 2015-2016đến năm học 2019-2020 | Hiệu trưởng | Hiệu trưởng |
| 2 | [H1-1.7-02] | Quyết định phân công | Năm học 2015-2016đến năm học 2019-2020 | Hiệu trưởng | Hiệu trưởng |
|  | 3 | [H1-1.7-03] | Hồ sơ bồi dưỡng  | Năm học 2015-2016đến năm học 2019-2020 | Hiệu trưởng | Hiệu trưởng |
| **Tiêu chí 1.8** | 1 | [H1-1.8-01] | Kế hoạch giáo dục lớp | Năm học 2015-2016đến năm học 2019-2020 | Giáo viên | ổ đĩa |
| 3 | [H1-1.8-02] | Hồ sơ đánh giá trẻ | Năm học 2015-2016đến năm học 2019-2020 | Giáo viên | Giáo viên |
| **Tiêu chí 1.9** | 1 | [H1-1.9-01] | Hồ sơ Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức, quy chế dân chủ | Năm học 2015-2016đến năm học 2019-2020 | Hiệu trưởng | Hiệu trưởng |
| 2 | [H1-1.9-02] | Hồ sơ tiếp công dân, hình ảnh họp thư góp ý | Năm học 2015-2016đến năm học 2019-2020 | Hiệu trưởng | Hiệu trưởng |
| 3 | [H1-1.9-03] | Báo cáo quy chế dân chủ, hình ảnh hộp thư góp ý | Năm học 2015-2016đến năm học 2019-2020 | Hiệu trưởng | Hiệu trưởng |
| **Tiêu chí 1.10** | 1 | [H1-1.10-01] | Giấy chứng nhận bếp an toàn vệ sinh thực phẩm, Hồ sơ y tế - phương án đảm bảo an toàn | Năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020 | Hiệu trưởng | Hiệu trưởng |
| 2 | [H1-1.10-02] | Quy chế phối hợp công an | Năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020 | Hiệu trưởng | Hiệu trưởng |
| 3 | [H1-1.10-03] |  Sổ họp liên tịch, sổ kiểm tra | Năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020 | Hiệu trưởng | Hiệu trưởng |
| 4 | [H1-1.10-04] | Sổ họp hội đồng | Năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020 | Hiệu trưởng | Hiệu trưởng |
| **Tiêu chí 2.1** | 1 | [H2-2.1-01] | Đánh giá chuẩn HT, PHT, giáo viên | Năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020 | Hiệu trưởng | Hiệu trưởng |
| 2 | [H2-2.1-02] | Hồ sơ đánh giá CC-VC | Năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020 | Hiệu trưởng | Hiệu trưởng |
| **Tiêu chí 2.2** | 1 | [H2-2.2-01] | Đề án vị trí việc làm | Năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020 | Hiệu trưởng | Hiệu trưởng |
| 2 | [H2-2.2-02] | Thống kê trình độ giáo viên, nhân viên | Năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020 | Hiệu trưởng | Hiệu trưởng |
| **Tiêu chí 3.1** | 1 | [H3-3.1-01] | Giấy chứng nhận sở hữu nhà đất | Năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020 | Hiệu trưởng | Hiệu trưởng |
| 2 | [H3-3.1-02] | Hình ảnh khuôn viên nhà trường | Năm học 2020-2021  | Hiệu trưởng | Hiệu trưởng |
| 3 | [H3-3.1-03] | Hình ảnh sân chơi | Năm học 2020-2021 | Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục | Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dụcLaptop ổ D |
| **Tiêu chí 3.2** | 1 | [H3-3.2-01] | Hình ảnh phòng âm nhạc, phòng thể chất, phòng âm nhạc. Hình ảnh các lớp học | Năm học 2020-2021 | Phó hiệu trưởng dạy | Phó hiệu trưởng dạy |
| **Tiêu chí 3.3** | 1 | [H3-3.3-01]. | Hình ảnh văn phòng, phòng hành chánh. | Năm học 2020-2021 | Phó hiệu trưởng chăm sóc | Phó hiệu trưởng chăm sóc |
| 2 | [H3-3.3-02] | Hình ảnh nơi để xe CB- GV -NV | Năm học 2020-2021 | Phó hiệu trưởng chăm sóc | Phó hiệu trưởng chăm sóc |
| **Tiêu chí 3.4** | 1 | [H3-3.4-01] | Hình ảnh nhà bếp | Năm học 2020-2021 | Phó hiệu trưởng chăm sóc | Phó hiệu trưởng chăm sóc |
| 2 | [H3-3.4-02]  | Hình ảnh nhà kho | Năm học 2020-2021 | Phó hiệu trưởng chăm sóc | Phó hiệu trưởng chăm sóc |
| 3 | [H3-3.4-03] | Biên bản kiểm kê tài sản | Năm học 2015- 2016 đến năm học 2019-2020 | P hiệu trưởng nuôi | P hiệu trưởng nuôi |
| **Tiêu chí 3.5** | 1 | [H3-3.5-01] | Sổ danh mục đồ chơi của lớp | Năm học 2015- 2016 đến năm học 2019-2020 | Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục | Laptop ổ D |
| 2 | [H3-3.5-02] | Sổ kiểm tra sửa chữa | Năm học 2015- 2016 đến năm học 2019-2020 | Phó hiệu trưởng chăm sóc | Phó hiệu trưởng chăm sóc |
| 3 | [H3-3.5-03] | Hình ảnh máy tính kết nối mạng  | Năm 2020-2021 | P hiệu trưởng dạy | ổ đĩa máy tính |
| 4 | [H3-3-05-04]  | Hồ sơ mua sắm sữa chữa | Năm học 2015- 2016 đến năm học 2019-2020 | Hiệu trưởng | Hiệu trưởng |
| **Tiêu chí 3.6** | 1  | [H3-3.06-01] | Hình ảnh cống thoát nước, hình ảnh nhà vệ sinh | Năm 2020-2021 | Hiệu trưởng | Hiệu trưởng |
| 2 | [H3-3.06-02] | Hợp đồng các loại | Năm học 2015- 2016 đến năm học 2019-2020 | Hiệu trưởng | Hiệu trưởng |
| **Tiêu chí 4.1** | 1 | [H4-4.1-01] | Hồ sơ ban đại diện cha mẹ học sinh (Danh sách Ban đại diện cha mẹ học sinh lớp - trường; biên bản họp cha mẹ học sinh lớp - trường; kế hoạch hoạt động; biên bản họp). biên bản báo cáo chuyên đề tại trường, hình ảnh báo cáo chuyên đề | Năm học 2015- 2016 đến năm học 2019-2020 | Hiệu trưởng | Hiệu trưởng |
| 2 | [H4-4.1-02] | Biên bản báo cáo chuyên đề | Năm học 2015- 2016 đến năm học 2019-2020 | P Hiệu trưởng | P. Hiệu trưởng |
| 3 | [H4-4.1-03] | Sổ liên lạc – Sổ Bé ngoan | Năm học 2020-2021 | Giáo viên | Giáo viên |
| 4 | [H4-4.1-04] | Hồ sơ tài trợ | Năm học 2015- 2016 đến năm học 2019-2020 | Hiệu trưởng | Hiệu trưởng |
|  | 5 | [H4.4.2-05] | Phổ cập trẻ 5 tuổi | Năm học 2015- 2016 đến năm học 2019-2020 | Văn thư | Văn thư |
| **Tiêu chí 4.2** | 1 | [H4-4.2-01] | Thông tư 23, quy chế phối họp công an | Năm học 2015- 2016 đến năm học 2019-2020 | Hiệu trưởng | Hiệu trưởng |
| 2 | [H4-4.2-02] | Kế hoạch hình ảnh hoạt động lễ hội, hoạt động ngoại khóa | Năm học 2015- 2016 đến năm học 2019-2020 | Phó hiệu trưởng dạy | Phó hiệu trưởng dạy |
| **Tiêu chí 5.2** | 1 | [H5-5.2-01] | Sản phẩm hoạt động của trẻ | Năm học 2020-2021 | Giáo viên | Giáo viên |
| **Tiêu chí 5.3** |  | [H5-5.3-01] | Hồ sơ sữa học đường | Năm học 2019 -2020 | Kế toán | Kế toán |